

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

---

**BÁO CÁO**

**Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng,  
bảo vệ, phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng), tỷ lệ che  
phủ rừng giai đoạn 2016 – 2021**

*Ninh Thuận, tháng 4 năm 2022*

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
MỤC LỤC.....	i
I. Khái quát đặc điểm tình hình.....	1
1. Đặc điểm tình hình.....	1
2. Hiện trạng tài nguyên rừng.....	2
II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng); tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn tỉnh.....	2
1. Căn cứ pháp lý để triển khai thực hiện về công tác quản lý, bảo vệ; sử dụng đất rừng, phát triển rừng trong giai đoạn 2016-2021.....	2
2. Công tác ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2016-2021.....	3
3. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý nghĩa, tầm quan trọng, trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.....	3
4. Những hạn chế, vướng mắc, bất cập và nguyên nhân.....	4
III. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; sử dụng đất rừng, phát triển rừng; tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn tỉnh.....	5
1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng.....	5
a) Công tác quản lý rừng.....	5
* Công tác xây dựng, thẩm định, trình duyệt và tổ chức thực hiện Quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025.....	5
* Xây dựng, thẩm định, trình điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2016-2025 (và phân kỳ 2016-2020).....	7
* Về tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025.....	8
* Công tác giao đất, giao rừng cho thuê rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng theo quy định pháp luật và so với quy hoạch 03 loại rừng của Tỉnh giai đoạn 2016-2025.....	9
* Về lập hồ sơ quản lý nương rẫy đan xen trong quy hoạch 03 loại rừng.....	11
* Đánh giá công tác tổ chức quản lý rừng đảm bảo theo nguyên tắc, thẩm quyền theo quy định pháp luật.....	12
* Công tác điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng (diện tích rừng và đất lâm nghiệp hàng năm), xây dựng cơ sở dữ liệu rừng.....	12

* Công tác tích hợp quy hoạch 03 loại rừng vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh. Chỉ tiêu quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, năm 2030 .....	13
b) Công tác bảo vệ rừng.....	14
* Công tác tuần tra, truy quét chống phá rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2021	14
* Đánh giá công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.....	15
* Tình hình vi phạm, kết quả xử lý các hành vi vi phạm về lâm nghiệp, nhất là tại vùng giáp ranh; tình hình lấn chiếm rừng và đất rừng, mở rộng, coi nới diện tích đất nương rẫy.....	15
2. Công tác phát triển rừng, sử dụng rừng .....	16
a) Giao khoán bảo vệ rừng.....	16
b) Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng .....	17
c) Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng quỹ bảo vệ và phát triển rừng để tổ chức trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2021. Kết quả việc thực hiện diện tích và chất lượng rừng trồng thay thế giai đoạn 2016-2021.....	18
* Về nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng .....	18
* Tình hình thu tiền trồng rừng thay thế, trồng rừng khắc phục hiện trạng giai đoạn 2016-2021 .....	19
* Kết quả giải ngân thực hiện trồng rừng thay thế, trồng rừng khắc phục hiện trạng giai đoạn 2016-2021 .....	20
* Kết quả thực hiện trồng rừng thay thế, trồng rừng khắc phục hiện trạng giai đoạn 2016-2021 .....	20
d) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên .....	21
đ) Kết quả trồng cây phân tán.....	22
e) Kết quả thực hiện phát triển giống cây lâm nghiệp phục vụ cho nhiệm vụ trồng rừng hằng năm .....	22
g) Đánh giá công tác ứng dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, nhất là công nghệ sinh học vào sản xuất lâm nghiệp, xây dựng các mô hình thực nghiệm, nông lâm kết hợp (trồng mới, chăm sóc mô hình thực nghiệm); kết quả thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học (dự án Vườn quốc gia Núi Chúa, Vườn quốc gia Phước Bình).....	22
h) Đánh giá kết quả thực hiện kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng.....	23
i) Đánh giá về công tác đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực đối với công chức, viên chức ngành lâm nghiệp các cấp thực hiện có hiệu quả quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.....	24
3. Đánh giá kết quả thực hiện tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016-2021 so chỉ tiêu Nghị quyết HĐND tỉnh (chỉ tiêu giai đoạn 2016-2020 và chỉ tiêu của năm 2021).....	24

a) Đánh giá kết quả thực hiện tỷ lệ độ che phủ rừng giai đoạn 2016-2021 so với chỉ tiêu Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày ngày 14/10/2014.....	24
b) Đánh giá kết quả thực hiện tỷ lệ che phủ rừng năm 2021 .....	26
4. Đánh giá việc thực hiện chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, nhất là các chính sách ưu đãi đầu tư cho phát triển rừng sản xuất ở những vùng đất trống, đồi núi trọc, phục hồi rừng tự nhiên, phát triển giống cây lâm nghiệp công nghệ cao.....	26
5. Đánh giá kết quả huy động nguồn lực giai đoạn 2016-2021 thực hiện bảo vệ, phát triển rừng so với chỉ tiêu Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh theo từng nguồn vốn .....	27
a) Vốn Chương trình Mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững .....	27
b) Vốn trồng rừng thay thế ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng đầu tư trồng rừng thay thế giai đoạn 2016-2021: 99.621,50 triệu đồng. ....	27
c) Vốn các dự án: .....	27
d) Vốn liên doanh liên kết.....	27
6. Đánh giá hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước chính quyền các cấp và hoạt động của Kiểm lâm về hoạt động lâm nghiệp tại địa phương .....	28
7. Vai trò, trách nhiệm của các Sở, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện liên quan trong việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng .....	28
IV. Đánh giá chung .....	29
1. Thuận lợi, khó khăn .....	29
a) Thuận lợi.....	29
b) Khó khăn.....	30
2. Kết quả đạt được .....	32
3. Những tồn tại, hạn chế, bất cập, vướng mắc: .....	34
4. Nguyên nhân hạn chế.....	36
a) Nguyên nhân khách quan.....	36
b) Nguyên nhân chủ quan .....	36
5. Một số bài học kinh nghiệm .....	37
V. Giải pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo .....	38
1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng .....	38
2. Công tác phát triển rừng .....	39
VI. Đề xuất, kiến nghị.....	41

1. Đối với Trung ương .....	41
2. Đối với địa phương .....	42

Số: 287/BC-SNNPTNT

Ninh Thuận, ngày 29 tháng 4 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng), tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

Thực hiện Kế hoạch số 02/KH-ĐGS ngày 29/3/2022 của Đoàn Giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh về Giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng; bảo vệ, phát triển rừng (*rừng tự nhiên, rừng trồng*); tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận”;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 1345/UBND-KTTH ngày 01/4/2022 về việc báo cáo giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2016-2021;

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng; bảo vệ, phát triển rừng (*rừng tự nhiên, rừng trồng*); tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016-2021, cụ thể như sau:

#### **I. Khái quát đặc điểm tình hình**

##### **1. Đặc điểm tình hình**

Ninh Thuận thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ, có điều kiện tự nhiên còn nhiều khó khăn, kinh tế-xã hội có điểm xuất phát thấp, thời tiết khí hậu rất khắc nghiệt; với có diện tích tự nhiên 335.534 ha (*trong đó diện tích rừng và đất rừng chiếm hơn 59%*), phía Bắc giáp tỉnh Khánh Hòa, phía Nam giáp tỉnh Bình Thuận, phía Tây giáp tỉnh Lâm Đồng và phía Đông giáp biển Đông, có đường bờ biển khoảng 105 km; nằm trên ngã ba nối liền vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam Bộ với Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, là cầu nối giữa các thành phố lớn ở khu vực giáp ranh Trung Bộ - Nam Bộ - Tây Nguyên; được bao bọc bởi ba mặt núi và một mặt biển, phía Tây là vùng núi cao giáp Đà Lạt, phía Bắc và phía Nam có hai dãy núi chạy ra biển, trong đó vùng núi cao chiếm 63,2% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh, vùng gò đồi bán sơn địa chiếm 14,4% và đồng bằng là 22,4%.

Diện tích rừng và đất rừng trên địa bàn tỉnh chủ yếu giao cho các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ và công ty lâm nghiệp nhà nước quản lý, bảo vệ (02 Ban quản lý Vườn quốc gia: Núi Chúa, Phước Bình; 04 Ban quản lý rừng phòng hộ: ven biển Thuận Nam, đầu nguồn hồ Tân Giang, Krôngpha, đầu nguồn liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu; 02 Công ty TNHH MTV LN: Ninh Sơn, Tân Tiến).

Ngoài các đơn vị chủ rừng đã nêu, trên địa bàn tỉnh còn có các chủ rừng khác là các đơn vị vũ trang, doanh nghiệp ngoài quốc doanh và diện tích rừng, đất rừng chưa giao, chưa cho thuê do UBND xã quản lý.

Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh là Chi cục Kiểm lâm. Ngoài chức năng tham mưu quản lý nhà nước về lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm còn có nhiệm vụ chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra cũng như tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, bảo vệ rừng, PCCC bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp trên phạm vi địa bàn tỉnh. Chi cục Kiểm lâm ngoài các phòng chuyên môn trực thuộc (*gồm: Phòng Hành chính-Tổng hợp; Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên; Phòng Thanh tra-Pháp chế; Phòng Sử dụng và Phát triển rừng; Phòng Tổ chức Tuyên truyền và Xây dựng lực lượng*) còn có 05 Hạt Kiểm lâm đóng trên địa bàn các huyện: Ninh Sơn, Bác Ái, Ninh Phước, Thuận Nam, Thuận Bắc và 01 Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng. Tổng biên chế toàn lực lượng Kiểm lâm hiện tại là 113 công chức.

Ngoài ra, ngày 21/3/2022 Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất chủ trương tại Văn bản số 1145/UBND-VXNV về việc điều chuyển Hạt Kiểm lâm Vườn quốc gia Núi Chúa và Hạt Kiểm lâm Vườn quốc gia Phước Bình về Chi cục Kiểm lâm. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang phối hợp với Sở Nội vụ và Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa, Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định điều chuyển.

## **2. Hiện trạng tài nguyên rừng**

Theo Quyết định số 3076/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kết quả kiểm kê rừng tỉnh Ninh Thuận năm 2016. Diện tích đất có rừng toàn tỉnh: 142.079,60 ha, trong đó: rừng tự nhiên: 136.808,71 ha; rừng trồng đã thành rừng 5.270,89 ha; rừng trồng chưa thành rừng 2.358,99 ha. Tỷ lệ che phủ rừng toàn tỉnh là 42,34% (*tính đến tháng 12/2016*).

Theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Ninh Thuận năm 2021. Diện tích đất có rừng toàn tỉnh: 159.342,08 ha, trong đó: rừng tự nhiên: 146.654,49 ha; rừng trồng đã thành rừng 10.542,72 ha; rừng trồng chưa thành rừng 2.144,87 ha. Tỷ lệ che phủ rừng toàn tỉnh là: 46,85 % (*tính đến tháng 12/2021*).

*(Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm)*

**II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng); tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn tỉnh**

**1. Căn cứ pháp lý để triển khai thực hiện về công tác quản lý, bảo vệ; sử dụng đất rừng, phát triển rừng trong giai đoạn 2016-2021**

Đảng bộ, lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kịp thời, đầy đủ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh theo các Chỉ thị Ban Bí thư Trung ương Đảng, Luật, Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ ngành liên quan và các văn bản chỉ đạo Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh về lĩnh vực lâm nghiệp.

*(Chi tiết tại mục I, Phụ lục 02 đính kèm)*

## **2. Công tác ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2016-2021**

Triển khai thực hiện Chỉ thị Ban Bí thư Trung ương Đảng, Luật, Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, các Thông tư của Bộ ngành liên quan về lĩnh vực lâm nghiệp. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành 08 Nghị quyết; UBND tỉnh ban hành 40 Quyết định, 01 Chỉ thị, 08 Kế hoạch. Đồng thời, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cụ thể hóa hơn 70 văn bản để thực hiện hiệu quả, đồng bộ từ khâu quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đến sử dụng hợp lý, hiệu quả, bền vững tài nguyên rừng.

*(Chi tiết tại mục II, III, IV Phụ lục 02 đính kèm)*

## **3. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý nghĩa, tầm quan trọng, trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng**

Đảng bộ, lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nghiêm túc tổ chức phổ biến, quán triệt đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và đông đảo các tầng lớp nhân dân thông qua nhiều hình thức đa dạng, phong phú; qua đó đã tạo được sự chuyển biến tích cực, hiểu rõ hơn về chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trong sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh; tạo sự thống nhất cao trong cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận xã hội trong công tác quản lý nhà nước về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, đảm bảo công tác quản lý nhà nước được chặt chẽ, đúng pháp luật.

Trong giai đoạn 2016-2021, đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các ngành chức năng tổ chức 775 buổi tuyên truyền với 54.291 lượt người tham gia; tổ chức hội thi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật với 01 hội thi cấp tỉnh, 16 hội thi cấp huyện; 118 đợt tuyên truyền bằng xe loa lưu động; vận động 4.691 hộ dân ký cam kết không vi phạm lĩnh vực quản lý và bảo vệ rừng. Nội dung tuyên truyền chú trọng triển khai, phổ biến những quy định mới trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng, nêu cao tầm quan trọng và ý nghĩa của rừng đối với cuộc sống con người, hướng dẫn người dân đốt dọn nương rẫy theo đúng thời điểm, đúng kỹ thuật. Hình thức tuyên truyền phong phú, phù hợp với



từng đối tượng như họp dân, panô áp phích, lồng ghép vào các nội dung họp khác, ký cam kết, học tập, phổ biến pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ lục 03 đính kèm)

#### **4. Những hạn chế, vướng mắc, bất cập và nguyên nhân**

Trong thời gian qua, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo lực lượng Kiểm lâm, các đơn vị chủ rừng tăng cường công tác phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp. Tuy nhiên, quá trình triển khai thi hành các văn bản quy phạm pháp luật còn gặp phải một số khó khăn, vướng mắc, cụ thể như:

- Một số văn bản Quy phạm pháp luật quy định về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, nhưng chưa có quy định về chế tài xử phạt do đó chưa có cơ sở để xử phạt: Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam; Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp; hành vi săn bắt động vật hoang dã trong tự nhiên ngoài rừng theo Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 23/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách quản lý động vật hoang dã;

- Việc áp dụng hình thức xử phạt bổ sung về tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm phải bị tịch thu theo Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp đối các phương tiện đang bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính. Trên thực tế đối với những đối tượng vi phạm là lái xe thuê phần lớn có điều kiện kinh tế khó khăn; nơi cư trú ngoài địa bàn huyện, tỉnh; đối với những phương tiện như: Ô tô, máy đào, máy ủi... giá trị phương tiện lớn thì việc chấp hành hình phạt “*phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm vào ngân sách nhà nước.*” là không khả thi, khó khăn trong việc áp dụng;

- Tại các Điều 22, 23 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ, quy định xử lý đối với hành vi vận chuyển từ trong rừng ra các loại than hầm, than hoa được xác định là có nguồn gốc từ rừng tự nhiên thì mới xử lý được. Trường hợp các đối tượng chuyên thu gom, vận chuyển trên đường quốc lộ, mua bán than hầm, than hoa ở giữa huyện, thành phố, không chứng minh được từ rừng ra, cũng như có nguồn gốc từ rừng tự nhiên thì không xử lý được;

- Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp: chỉ quy định hình thức và mức xử phạt tiền đối với hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ động vật rừng (Điều 21). Trên thực tế hiện nay có nhiều loại động vật hoang dã không sinh sống trong rừng, mà sinh sống tại các khu vực ngoài phạm vi đất lâm nghiệp (không phải là rừng theo quy định của Luật lâm nghiệp), điển hình là một số loài chim (Chim Sẻ, Chào Mào, Quốc...);

- Hiện nay, không có định mức kinh tế kỹ thuật cụ thể cho các biện pháp lâm sinh như nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng. Các định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng theo Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 hiện nay không còn phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương;

- Đơn giá nhân công lao động theo định mức tại Quyết định số 3882/QĐ-SXD ngày 13/10/2021 của Sở Xây dựng áp dụng cho công tác trồng rừng hiện nay là rất thấp so với đơn giá thuê nhân công lao động thực tế để thực hiện trồng rừng tại địa phương nên khó thực hiện;

- Trong quá trình thực hiện Luật Lâm nghiệp, chưa có sự đồng nhất giữa Luật Lâm nghiệp và Luật Đất đai, cụ thể: Tại Điều 14, Điều 15 quy định về giao rừng, cho thuê rừng đồng bộ với giao đất, cho thuê đất, tuy nhiên không xác định việc cho thuê rừng có thông qua đấu giá quyền sử dụng rừng hay không. Rừng tự nhiên với những đặc thù nhất định, cần được quy định rõ việc đấu giá hay không đấu giá để tạo hành lang pháp lý cho các địa phương khi triển khai công tác giao rừng, cho thuê rừng.

### **III. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; sử dụng đất rừng, phát triển rừng; tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn tỉnh**

#### **1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng**

##### **a) Công tác quản lý rừng**

##### ***\* Công tác xây dựng, thẩm định, trình duyệt và tổ chức thực hiện Quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025***

- Kết quả rà soát, quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2007-2015 được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa VIII kỳ họp thứ 9 phê duyệt tại Nghị quyết số 08/2007/NQ-HĐND ngày 31/7/2007 và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 241/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007;

Sau gần 10 năm thực hiện quy hoạch 3 loại rừng đã bộc lộ những hạn chế, bất cập: Diện tích, hiện trạng rừng sau khi kiểm kê năm 2016 thay đổi so với diện tích và hiện trạng quy hoạch; nhiều diện tích quy hoạch theo chức năng 3 loại rừng nay không còn phù hợp với điều kiện thực tế địa phương cũng như không còn đáp ứng được các tiêu chí theo quy chế quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất của Chính phủ; nhiều diện tích đất có rừng phòng hộ, sản xuất đã chuyển đổi sang mục đích khác phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội tỉnh (*Du lịch, thủy điện, thủy lợi, giao thông, tái định cư...*).

- Thực hiện Nghị quyết số 134/2016/QH13 ngày 09/4/2016 của Quốc hội về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) cấp quốc gia. Nhiệm vụ và giải pháp: “*Tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng và tổ chức hiệu quả việc trồng rừng; bố trí quỹ đất trồng cây xanh trong các khu dân cư, khu đô thị. Xây dựng quy chế, xác định*

*khu vực, công khai diện tích rừng phòng hộ ít xung yếu, kém chất lượng ở từng địa phương, từng vùng để chuyển sang rừng sản xuất*". Chính phủ ban hành Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 06/8/2015 phiên họp thường kỳ tháng 7/2015 của Chính phủ: "*Khẩn trương rà soát, chuyển đổi một phần rừng phòng hộ ít xung yếu sang rừng sản xuất*". Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Kế hoạch số 8418/KH-BNN-TCLN ngày 13/10/2015 về việc rà soát diện tích rừng phòng hộ ít xung yếu điều chỉnh sang quy hoạch rừng sản xuất; Quyết định số 845/QĐ-BNN-TCLN ngày 16/3/2016 ban hành Bộ tiêu chí rà soát diện tích đất, rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu chuyển đổi sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất và văn bản số 10121/BNN-TCLN ngày 30/11/2016 hướng dẫn kỹ thuật rà soát, chuyển đổi đất, rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất gắn với điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng. Tiếp đến, Tổng cục Lâm nghiệp có văn bản số 2026/TCLN-KL ngày 06/12/2016 về việc rà soát điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng toàn quốc; trong đó nội dung chỉ đạo: "*rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng toàn quốc giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030...*".

- Thực hiện điểm a, khoản 4, Điều 24, Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý rừng phòng hộ. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã ban hành Kế hoạch số 1523/KH-UBND ngày 25/4/2016 về việc rà soát diện tích rừng phòng hộ ít xung yếu để điều chỉnh sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất.

- Ngoài ra, căn cứ Nghị quyết số 74/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Ninh Thuận và Văn bản số 153/HĐND-VP ngày 05/9/2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất tại Nghị quyết số 74/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016 của HĐND tỉnh.

Từ những căn cứ pháp lý và thực tiễn trên, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về rà soát, điều chỉnh quy hoạch lại 3 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025. Sau khi đề cương, nhiệm vụ dự toán kinh phí lập dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 18/7/2017. Chi cục Kiểm lâm được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao nhiệm vụ triển khai thực hiện dự án lập quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025 (*đơn vị tư vấn là Phân viện Điều tra Quy hoạch rừng Nam Bộ*).

Quá trình triển khai xây dựng dự án đã được tổ chức lấy ý kiến góp ý của các Sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan theo đúng quy định; đồng thời kết quả được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định tại Văn bản số 9440/BNN-TCLN ngày 10/11/2017 và Văn bản số 9654/BNN-TCLN ngày 20/11/2017 về việc điều chỉnh Quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Ninh Thuận.

Kết quả quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 (*trên cơ sở Tờ trình số 227/TTr-UBND ngày 29/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh*) và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 (*trên cơ sở Tờ trình số 18/TTr-SNNPTNT ngày 23/01/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*).

**\* Xây dựng, thẩm định, trình điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2016-2025 (và phân kỳ 2016-2020)**

- Ngày 30/8/2018, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 113/NQ-CP về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Ninh Thuận. Qua rà soát nhận thấy tổng diện tích quy hoạch 03 loại rừng đến năm 2020 tại Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND còn thiếu so với chỉ tiêu phân khai sử dụng đất tại Nghị quyết 113/NQ-CP là 3.986,9 ha; (*trong đó: Rừng đặc dụng còn thiếu: 769,97 ha, rừng phòng hộ còn thiếu: 1.100,88 ha và rừng sản xuất còn thiếu: 2.116,05 ha*). Do vậy, để đảm bảo diện tích điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng đến năm 2020 phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất tại Nghị quyết số 113/NQ-CP thì cần thiết phải rà soát, điều chỉnh giảm 3.986,9 ha trong tổng số 9.784,83 ha quy hoạch chuyển ra ngoài 03 loại rừng đến năm 2020 tại Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của HĐND tỉnh về quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025.

- Căn cứ chỉ tiêu phân khai sử dụng đất lâm nghiệp của Chính phủ tại Nghị quyết số 113/NQ-CP, quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025 tại Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát bổ sung diện tích quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của HĐND tỉnh về quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025; theo đó tổng diện tích quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 là **197.777,46 ha**; (*trong đó: Rừng đặc dụng 41.695,46 ha, Rừng phòng hộ 116.172,00 ha, Rừng sản xuất 39.910,00 ha*).

- Trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết số 23/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý triển khai các thủ tục tiếp theo để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh và rà soát diện tích rừng tự nhiên ngoài quy hoạch 03 loại rừng để đưa vào quy hoạch 03 loại rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tiếp tục ban hành Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 16/12/2019, Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 23/3/2020 về điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 và Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025.

Theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh (Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa tại Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 19/8/2020) thì diện tích quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

+ Tổng diện tích quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 là **198.126,98 ha**; trong đó: Rừng đặc dụng 41.695,46 ha, Rừng phòng hộ 116.347,20 ha, Rừng sản xuất 40.084,32 ha.

+ Tổng diện tích quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025 là **190.957,71 ha**; trong đó: Rừng đặc dụng 41.372,34 ha, Rừng phòng hộ: 124.746,46 ha, Rừng sản xuất 24.838,91 ha.

**\* Về tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025**

**- Công tác tham mưu, triển khai thực hiện Quy hoạch 03 loại rừng**

+ Đề tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 3640/UBND-KH ngày 27/8/2018. Trên cơ sở đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đã ban hành Kế hoạch số 83/KH-SNNPTNT ngày 28/9/2018 về triển khai thực hiện Kế hoạch số 3640/KH-UBND ngày 27/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện kết quả quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025 và Kế hoạch số 53/KH-SNNPTNT ngày 14/5/2018 về triển khai thực hiện Kế hoạch số 1491/KH-UBND ngày 13/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường công tác quản lý đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và trách nhiệm người đứng đầu trong công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh năm 2018.

+ Chi cục Kiểm lâm ban hành Kế hoạch số 642/KH-CCKL ngày 02/10/2018 về việc triển khai thực hiện kết quả quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025.

+ Ủy ban nhân dân các huyện xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 199/QĐ-UBND và Kế hoạch số 3640/KH-UBND. Đến nay các huyện đã ban hành Kế hoạch triển khai 03 loại rừng (*Kế hoạch 181/KH-UBND ngày 23/10/2018 của UBND huyện Ninh Phước, Kế hoạch 216/KH-UBND ngày 10/10/2018 của UBND huyện Ninh Sơn, Kế hoạch 250/KH-UBND ngày 22/10/2018 của UBND huyện Thuận Bắc, Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 16/10/2018 của UBND huyện Bác Ái; UBND các xã trên địa bàn huyện Ninh Sơn, Thuận Bắc, Thuận Nam đã ban hành kế hoạch triển khai thực quy hoạch 03 loại rừng*).

**- Công bố, bàn giao hồ sơ quy hoạch**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội nghị công bố, bàn giao hồ sơ, tài liệu quy hoạch 03 loại rừng

tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025 cho các Sở, ngành, địa phương liên quan và các đơn vị chủ rừng theo đúng quy định. Nhìn chung, việc triển khai thực hiện quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025 được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành liên quan, Chi cục Kiểm lâm, đơn vị chủ rừng và chính quyền địa phương thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả và bảo đảm tiến độ, mục tiêu đề ra. Như vậy tất cả các hiện trạng (*loại đất, loại rừng*) đã được xác lập ranh giới, diện tích, hiện trạng, quy hoạch, chủ quản lý... trong hồ sơ quy hoạch 03 loại rừng và hồ sơ bàn giao thực địa cho chủ quản lý (*chủ rừng, UBND cấp xã*). Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng hiệu quả trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao tỷ lệ che phủ rừng và tiến tới đạt chỉ tiêu tỷ lệ che phủ rừng là 49% vào năm 2025.

***\* Công tác giao đất, giao rừng cho thuê rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng theo quy định pháp luật và so với quy hoạch 03 loại rừng của Tỉnh giai đoạn 2016-2025***

**- Công tác bàn giao thực địa hiện trạng quản lý rừng và đất lâm nghiệp cho chủ rừng, UBND các xã theo Quyết định số 199/QĐ-UBND**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm tổ chức bàn giao thực địa hiện trạng quản lý rừng và đất lâm nghiệp cho các chủ rừng và UBND cấp xã quản lý trên địa bàn toàn tỉnh, với tổng diện tích 204.797,80 ha<sup>1</sup>, diện tích hiện trạng quản lý theo kết quả quy hoạch 3 loại rừng giai đoạn 2016-2025 tại Quyết định số 199/QĐ-UBND (*bao gồm cả diện tích quy hoạch đưa ra ngoài 03 loại rừng, nhưng chưa có quyết định thu hồi, chuyển mục đích sử dụng: đưa ra cho mục đích sản xuất nông nghiệp giao về cho địa phương và đưa ra cho mục đích phi nông nghiệp để thực hiện các dự án đầu tư*) và diện tích điều chỉnh ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng giai đoạn 2007-2015, nhưng chưa có quyết định thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất (*diện tích này nằm trong hồ sơ kiểm kê rừng năm 2016*).

**- Bàn giao diện tích quy hoạch đưa ra ngoài 03 loại rừng giai đoạn 2016-2025 (đất sản xuất nông nghiệp trong lâm phần) về cho địa phương quản lý, lập kế hoạch sử dụng đất nhằm ổn định sản xuất với tổng diện tích 8.057,03 ha**

Trong năm 2019, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện bàn giao thực địa diện tích quy hoạch đưa ra ngoài 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 (*theo Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 và điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân*

<sup>1</sup> Trong đó: Tổng diện tích bàn giao cho 9 đơn vị chủ rừng cấp II là 198.518,87 ha và diện tích bàn giao cho 24 chủ rừng nhóm I là UBND các xã: 6.278,93 ha.

*tỉnh*) cho 24 xã trên địa bàn 5 huyện, với tổng diện tích được bàn giao đợt 1 là **4.118,66 ha** cho địa phương lập kế hoạch sử dụng đất, ổn định sản xuất.

Đối với diện tích quy hoạch đưa ra ngoài 03 loại rừng giao về cho địa phương quản lý để ổn định sản xuất nông nghiệp còn lại trong giai đoạn 2021-2025 là **3.938,37 ha** (8.057,03 ha - 4.118,66 ha), đã được bàn giao cho chủ thể quản lý. Hiện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức bàn giao diện tích thực địa trên địa bàn 05 huyện (*Ninh Sơn, Bác Ái, Thuận Bắc, Ninh Phước, Thuận Nam*). Riêng huyện Ninh Hải do liên quan đến chỉ tiêu sử dụng đất rừng đặc dụng, nên chưa bàn giao về cho địa phương quản lý; căn cứ phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, thống nhất diện tích quy hoạch rừng đặc dụng và diện tích điều chỉnh đưa ra ngoài 03 loại rừng trên địa bàn huyện Ninh Hải, làm cơ sở bàn giao về cho địa phương quản lý.

**- Bàn giao diện tích quy hoạch đưa ra ngoài 03 loại rừng giai đoạn 2016-2025 chuyển đổi mục đích sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các dự án**

Đối với diện tích đưa ra ngoài 03 loại rừng giai đoạn 2016-2025 chuyển đổi mục đích sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các dự án là 4.838,55 ha đã được bàn giao cho chủ thể tiếp tục quản lý (sau khi có quyết định thu hồi, chuyển mục đích sử dụng của cấp thẩm quyền sẽ chính thức cập nhật - giảm diện tích vào bản đồ theo dõi diễn biến rừng, đất rừng hàng năm).

**- Về bàn giao hồ sơ, bàn giao thực địa hiện trạng quản lý rừng và đất lâm nghiệp cho chủ rừng quản lý theo Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 và Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm tổ chức bàn giao hồ sơ quản lý rừng và đất lâm nghiệp cho chủ rừng quản lý theo Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 và Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận cho các đơn vị chủ rừng, Hạt Kiểm lâm cấp huyện, UBND xã, UBND huyện; đồng thời chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm đã bàn giao thực địa hiện trạng quản lý rừng và đất lâm nghiệp theo Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 và Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận, cụ thể:

+ Bàn giao diện tích đưa vào 03 loại rừng cho Bộ Chỉ huy quân sự *tỉnh* (theo Quyết định số 496/QĐ-UBND: 57,17 ha; Quyết định số 241/QĐ-UBND: 57,17 ha).

+ Bàn giao diện tích đưa vào 03 loại rừng cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn (theo Quyết định số 496/QĐ-UBND: 15,50 ha).

+ Bàn giao diện tích chuyển đổi chủ thể quản lý theo Quyết định số 241/QĐ-UBND từ UBND xã (Quảng Sơn, Mỹ Sơn, Phước Thái) sang đơn vị chủ rừng (*Ban quản lý rừng PH Krôngpha, Ban quản lý rừng PHDN liên hồ Sông Sắt-Sông Trâu, Ban quản lý rừng PHDN hồ Tân Giang*) với tổng diện tích 1.927,65 ha.

### **- Công tác tổ chức cấm mốc ranh giới quản lý rừng và đất lâm nghiệp**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các đơn vị chủ rừng tổ chức cấm mốc ranh giới quản lý rừng và đất lâm nghiệp đồng thời chủ động tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí cho UBND các huyện, xã tổ chức cấm mốc ranh giới quản lý rừng và đất lâm nghiệp do UBND xã quản lý:

+ Năm 2018, có 04 đơn vị chủ rừng lâm nghiệp thực hiện cấm mốc ranh giới quản lý rừng và đất lâm nghiệp (*Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp: Ninh Sơn, Tân Tiến; Ban quản lý rừng phòng hộ Krôngpha và Ban quản lý rừng PHDN hồ Sông Sắt*).

+ Năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân bổ kinh phí cấm mốc ranh giới quản lý rừng và đất lâm nghiệp cho 05 đơn vị chủ rừng lâm nghiệp còn lại và Ủy ban nhân dân các huyện có xã quản lý rừng và đất lâm nghiệp.

+ Đối với diện tích rừng và đất lâm nghiệp do các tổ chức khác quản lý, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các đơn vị xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và tổ chức cấm mốc ranh giới để quản lý, bảo vệ theo quy định.

### **\* Về lập hồ sơ quản lý nương rẫy đan xen trong quy hoạch 03 loại rừng**

Nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đề xuất các nhiệm vụ phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, trong đó có Đề án “*Lập hồ sơ quản lý nương rẫy trong quy hoạch 03 loại rừng*” và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất tại Văn bản số 3845/UBND-KTTH ngày 23/10/2020. Theo đó mục tiêu của Đề án: (i) Góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý bảo vệ rừng, quản lý hiện trạng và nâng cao hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; (ii) Thành lập được bản đồ đất nương rẫy và trích lục hồ sơ đất nương rẫy cho từng hộ dân; nhằm quản lý và thường xuyên cập nhật, diễn biến hiện trạng rừng và đất rừng của các hộ dân thuận lợi và có hiệu quả phù hợp theo pháp luật và thực tiễn.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm phối hợp với các đơn vị chủ rừng, rà soát hồ sơ, xây dựng đề cương và dự toán kinh phí lập Đề án lập hồ sơ quản lý nương rẫy trong quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh và đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thẩm định. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hoàn thiện đề cương dự toán và các nội dung liên quan của Đề án theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp ngày 28/4/2022 và đã trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.



### **- Kết quả chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác**

Trong giai đoạn từ 2016-2021 trên địa bàn tỉnh có 22 dự án/593,50 ha đã được cấp thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trong đó: Quy hoạch rừng đặc dụng: 21,51 ha (*rừng tự nhiên 15,12 ha, rừng trồng 6,39 ha*); Quy hoạch rừng phòng hộ: 148,07 ha (*rừng tự nhiên: 138,106 ha, rừng trồng 9,96 ha*); Quy hoạch rừng sản xuất: 418,215 ha (*rừng tự nhiên 268,585 ha, rừng trồng 149,630 ha*); Quy hoạch điều chỉnh ra ngoài 03 loại rừng giai đoạn 2007-2015: 5,71 ha (*rừng tự nhiên 4,44 ha, rừng trồng 1,27 ha*). Các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đều tuân thủ chặt chẽ trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định của Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật Lâm nghiệp và các quy định có liên quan.

*(Chi tiết tại Phụ lục 04 đính kèm)*

### **\* Đánh giá công tác tổ chức quản lý rừng đảm bảo theo nguyên tắc, thẩm quyền theo quy định pháp luật**

- Công tác quản lý, bảo vệ rừng được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt;

- Các cấp, các ngành, nhất là chính quyền địa phương đã cơ bản xác định rõ vai trò trách nhiệm công tác quản lý bảo vệ rừng là một nhiệm vụ trọng tâm của địa phương nên đã tạo ra sức mạnh tổng hợp cả một hệ thống để thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng trong thời gian qua ;

- Lực lượng Kiểm lâm và đơn vị chủ rừng thực hiện đúng vai trò, chức năng, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp, sử dụng và phát triển rừng trong lâm phần được giao theo Luật Lâm nghiệp (*trước năm 2019 là Luật Bảo vệ và phát triển rừng*), các văn bản hướng dẫn thi hành luật và các quy định khác có liên quan;

### **\* Công tác điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng (diện tích rừng và đất lâm nghiệp hàng năm), xây dựng cơ sở dữ liệu rừng**

Công tác kiểm kê rừng được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3076/QĐ-UBND ngày 09/12/2016. Thực hiện Quyết định số 4539/QĐ-BNN-TCLN ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành phần mềm cập nhật diễn biến rừng; Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm triển khai cho Hạt Kiểm lâm các huyện thực hiện việc cập nhật diễn biến tài nguyên rừng vào phần mềm FRMS đồng bộ từ cấp xã, huyện, tỉnh đến trung ương. Quy trình thực hiện theo dõi diễn biến rừng theo Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Diễn biến rừng trong giai đoạn 2016-2021 được Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổng hợp và công bố cụ thể như sau:

**Biểu theo dõi diễn biến diện tích rừng giai đoạn 2016-2021**

Năm	Diện tích có rừng (ha)	Trong đó		Tỷ lệ che phủ %
		Rừng tự nhiên (ha)	Rừng trồng (ha)	
2016	142.079,89	136.809,00	5.270,89	42,3
2017	141.818,15	136.592,00	5.226,15	42,27
2018	142.072,36	136.781,32	5.291,04	42,34
2019	152.990,74	146.404,05	6.586,69	45,59
2020	153.215,43	146.361,83	6.853,60	45,66
2021	157.197,21	146.654,49	10.542,72	46,85

Qua kết quả trên cho thấy: Từ năm 2016 đến 2021, diện tích rừng tăng 15.117,32 ha, từ 142.079,89 ha năm 2016 lên 157.197,21 ha vào năm 2021, trung bình mỗi năm tăng 2.519,55 ha; tỷ lệ che phủ rừng tăng 4,55 %, từ 42,30 % năm 2016 lên 46,85 % vào năm 2021, bình quân mỗi năm tăng 0,758 %.

**\* Công tác tích hợp quy hoạch 03 loại rừng vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh. Chỉ tiêu quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, năm 2030**

Thực hiện Quyết định số 536/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 7440/BNN-TCLN ngày 27/10/2020 và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại văn bản số 3988/UBND-KTTH ngày 04/11/2020, văn bản số 4738/UBND-KTTH ngày 30/12/2020... Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ động phối hợp với Phân viện Điều tra Quy hoạch rừng Nam Bộ (đơn vị được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao nhiệm vụ lập quy hoạch lâm nghiệp quốc gia khu vực phía Nam, trong đó có tỉnh Ninh Thuận) làm việc với các Sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh để rà soát diện tích quy hoạch 03 loại rừng và danh mục các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng, đất rừng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh để phục vụ lập quy hoạch lâm nghiệp quốc gia và tích hợp vào quy hoạch tỉnh.

Tiếp đến thực hiện Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 2021-2025, theo đó tổng chỉ tiêu phân bổ diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

+ Diện tích đất lâm nghiệp đến năm 2025 là 193.000 ha (*đất rừng đặc dụng 41.041 ha, đất rừng phòng hộ 125.336 ha, đất rừng sản xuất 26.623 ha; trong đó đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên 20.662 ha*).

+ Diện tích đất lâm nghiệp đến năm 2030 là 188.113 ha (*đất rừng đặc dụng 40.633 ha, đất rừng phòng hộ 123.226 ha, đất rừng sản xuất 24.254 ha; trong đó đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên 18.887 ha*).

Căn cứ chỉ tiêu phân khai cho tỉnh Ninh Thuận, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ động, tích cực phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các huyện điều chỉnh diện tích quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh, huyện đảm bảo theo chỉ tiêu phân khai của Chính phủ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022.

## **b) Công tác bảo vệ rừng**

**\* Công tác tuần tra, truy quét chống phá rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2021**

- Thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng vùng giáp ranh

+ Thời gian qua tại các khu vực vùng giáp ranh có địa hình phức tạp, xa xôi, hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn, nhất là trong mùa mưa lũ; lực lượng bảo vệ rừng được bố trí thực hiện nhiệm vụ tại vùng giáp ranh còn mỏng so với diện tích rừng rộng lớn tại khu vực giáp ranh, nên việc tổ chức tuần tra, kiểm tra, truy quét chống phá rừng tại khu vực giáp ranh chưa được thường xuyên, liên tục; khi triển khai tổ chức phối hợp truy quét chống phá rừng với quy mô lớn, có nhiều thành phần tham gia thì dễ bị các đối tượng vi phạm phát hiện; khi Đoàn kiểm tra rút quân thì các đối tượng lại tiếp tục đưa phương tiện vào rừng để khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật. Ngoài ra, dân cư ở khu vực giáp ranh này tập hợp từ nhiều địa phương khác nhau di cư tự do đến cư ngụ, sinh sống bằng nhiều nghề khác nhau, người dân ở khu vực này nhận thức về công tác quản lý, bảo vệ rừng còn nhiều hạn chế nên rất dễ bị các đối tượng đầu nậu lôi kéo, dụ dỗ vào rừng khai thác lâm sản trái pháp luật.

+ Tuy nhiên, trong những năm gần đây, công tác phối hợp quản lý, bảo vệ rừng vùng giáp ranh được chú trọng hơn, kịp thời đề xuất thành lập các Chốt QLBRV tại các khu vực giáp ranh. Cụ thể tham mưu cấp có thẩm quyền thành lập mới và đưa vào hoạt động 08 Chốt liên ngành (*giáp ranh Ma Bó; khu vực đường liên xã Hòa Sơn - Mỹ Sơn; Vườn Trâu; Cà Tọt; Hầm Ba; khu vực tiểu khu 204 huyện Thuận Nam; giáp ranh BQL rừng PHĐN liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu với Khánh Hòa; Chốt giáp ranh Ninh Sơn - Đức Trọng*). Việc thành lập các Chốt liên ngành bảo vệ rừng và Chốt giáp ranh ba tỉnh Lâm Đồng, Khánh Hòa và Bình Thuận việc triển khai các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng có sự phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng, chính quyền địa phương và các đơn vị chủ rừng tại các vùng giáp ranh, từ đó đã mang lại hiệu quả, tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật trên vùng giáp ranh cơ bản đã được ngăn chặn.

- Công tác truy quét, chống phá rừng: Trong giai đoạn từ năm 2016-2021, lực lượng Kiểm lâm phối hợp với lực lượng bảo vệ rừng của chủ rừng và chính quyền địa phương tổ chức 14.086 đợt kiểm tra, truy quét tại các vùng giáp ranh, khu vực trọng điểm phá rừng và các trục lộ giao thông trên địa bàn tỉnh, với 83.145 lượt người tham gia, phát hiện, ngăn chặn và xử lý nhiều vụ vi phạm về lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng.

- Công tác ký kết và thực hiện quy chế phối hợp quản lý, bảo vệ rừng vùng giáp ranh, giữa các đơn vị chủ rừng, các tổ chức và cộng đồng tại địa phương: Được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đã chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm chủ động phối hợp với Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Bình Thuận và tỉnh Khánh Hòa tham mưu ký kết quy chế phối hợp quản lý bảo vệ rừng vùng giáp ranh cấp tỉnh, cấp huyện, cấp Chi cục và cấp chủ rừng. Thông qua quy chế phối hợp giúp các đơn vị tăng cường phối hợp trao đổi thông tin, tổ chức kiểm tra, truy quét vùng giáp ranh mang lại hiệu quả, tình trạng vi phạm pháp luật lâm nghiệp tại vùng ranh giảm đáng kể so với các năm trước.

*(Chi tiết tại Phụ lục 05 đính kèm)*

**\* Đánh giá công tác phòng cháy, chữa cháy rừng**

- Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng và truy quét chống phá rừng trên địa bàn toàn tỉnh. Sau khi Phương án Phòng cháy chữa cháy rừng và truy quét chống phá rừng được phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm và đơn vị chủ rừng triển khai thực hiện phương án, đảm bảo nâng cao hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy rừng và truy quét chống phá rừng. Ngoài ra, Kiểm lâm địa bàn đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã (35 xã) có rừng xây dựng, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt phương án PCCCR&TQCPR rừng cấp xã. Bên cạnh đó thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đã chủ động tham mưu Ban chỉ đạo Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện phương án Phòng cháy chữa cháy rừng và truy quét chống phá rừng.

- Giai đoạn từ năm 2016-2021 xảy ra 175 điểm cháy (*các điểm cháy chủ yếu tập trung ở huyện Ninh Sơn và Bác Ái*), huy động 2.356 lượt người tham gia chữa cháy rừng. Các điểm cháy rừng đều được phát hiện và huy động lực lượng cứu chữa kịp thời. Hiện trạng rừng bị cháy chủ yếu là rừng tự nhiên lá rộng rụng lá; lửa rừng chủ yếu cháy lan mặt đất, chỉ cháy thực bì, trảng cỏ, cây bụi, cành lá khô, không gây thiệt hại đến cây gỗ rừng tự nhiên.

*(Chi tiết tại Phụ lục 06 đính kèm)*

**\* Tình hình vi phạm, kết quả xử lý các hành vi vi phạm về lâm nghiệp, nhất là tại vùng giáp ranh; tình hình lấn chiếm rừng và đất rừng, mở rộng, coi nới diện tích đất nương rẫy**

- Trong giai đoạn 2016-2021 lực lượng Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng đã phát hiện 3.379<sup>2</sup> vụ vi phạm pháp luật lâm nghiệp.

- Tổng số vụ đã xử lý 2.927 vụ (*hình sự 17 vụ, hành chính 2.792 vụ và xử lý vắng chủ 118 vụ*). Tịch thu 955,664 m<sup>3</sup> gỗ (*gỗ tròn 489,164 m<sup>3</sup>, gỗ xẻ 466,50 m<sup>3</sup>*); 06 xe oto, máy kéo; 37 xe trâu bò kéo; 936 xe máy và 113 cửa máy. Thu nộp ngân sách 8.879,8 triệu đồng.

- Trong giai đoạn 2016-2021, xử lý 17 hình sự gồm có: 7 vụ tội hủy hoại rừng (*Ninh Sơn 2 vụ, Bác Ái 2 vụ và Thuận Nam 3 vụ*) và 10 vụ tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản (*Ninh Sơn 8 vụ, Thuận Bắc 01 vụ và Bác Ái 01 vụ*).

(*Chi tiết tại Phụ lục 07 đính kèm*)

## **2. Công tác phát triển rừng, sử dụng rừng**

### **a) Giao khoán bảo vệ rừng**

Trong giai đoạn 2016-2021, tổng diện tích rừng trên địa bàn tỉnh thực hiện giao khoán bảo vệ là 387.872,29 lượt ha (*đối tượng tham gia nhận khoán bảo vệ rừng cộng đồng dân cư và lực lượng vũ trang*). Diện tích giao khoán cho lực lượng vũ trang là các khu vực rừng tại các vùng xa dân cư, hẻo lánh, vùng giáp ranh tỉnh bạn có nguy cơ cao về nạn chặt phá rừng lấy gỗ trái pháp luật và các cộng đồng dân cư tại các địa điểm gần dân cư ít có nguy cơ bị lâm tặc khai thác lâm sản trái pháp luật. Đối với diện tích khoán cho cộng đồng dân cư nhằm góp phần tăng thêm thu nhập của cộng đồng nhận khoán, từ đó nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm trong công tác bảo vệ rừng, thường xuyên tuần tra truy quét chống phá rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, giúp giữ vững rừng tự nhiên hiện có. Diện tích rừng giao khoán bảo vệ theo các chương trình, dự án như sau:

- Khoán bảo vệ rừng theo Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ: 32.600 lượt ha.

- Khoán bảo vệ rừng theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ: 35.749,91 lượt ha.

- Khoán bảo vệ rừng theo Chương trình Mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững (*Dự án Bảo vệ và phát triển rừng*): 235.810,62 lượt ha.

- Khoán bảo vệ rừng theo Chương trình Dịch vụ môi trường rừng: 51.163,76 lượt ha.

- Khoán bảo vệ rừng theo Dự án Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ (*Dự án JICA2*): 19.964,00 lượt ha.

<sup>2</sup>Năm 2016 phát hiện 1.260 vụ vi phạm; Năm 2017 phát hiện 724 vụ vi phạm; Năm 2018 phát hiện 461 vụ vi phạm; Năm 2019 phát hiện 378 vụ vi phạm; Năm 2020 phát hiện 274 vụ và năm 2021 phát hiện 282 vụ.

- Khoán bảo vệ rừng theo Dự án trồng mới, phục hồi và kết hợp quản lý bảo vệ rừng chống xâm thực bờ biển thuộc địa bàn các huyện Ninh Hải, Ninh Phước, Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2015-2020 (*Dự án SP-RCC*): 12.584,00 lượt ha.

*(Chi tiết tại mục 1 Phụ lục 08 đính kèm)*

Toàn bộ những diện tích rừng giao khoán bảo vệ đã góp phần bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện còn, đặc biệt hạn chế được tình trạng phá rừng làm rẫy và nạn cháy rừng hàng năm vào mùa khô nhất là các khu vực giáp ranh với các tỉnh Khánh Hòa, Lâm Đồng.

Ngoài việc bảo vệ hiệu quả diện tích rừng được giao khoán bảo vệ, các đơn vị chủ rừng đã tổ chức tuyên truyền, vận động cộng đồng, các hộ gia đình, cá nhân tham gia nhận khoán tự thống nhất, cam kết thực hiện việc trích lại tiền công nhận khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng để phát triển các mô hình sinh kế phù hợp với tình hình thực tế như mua gia súc (*bò, dê, cừu, heo*), cây ăn quả, hệ thống nước tưới, phân bón nhằm phát triển chăn nuôi và canh tác nông nghiệp. Việc lồng ghép và triển khai các mô hình sinh kế gắn với hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được đa số người dân hưởng ứng nhiệt tình, mang lại sự đồng thuận cao trong tập thể các cộng đồng dân cư sống gần rừng.

Tại thời điểm hiện nay, sau khi triển khai các mô hình sinh kế bền vững gắn với hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; tình hình kinh tế các hộ dân tham gia đã có những chuyển biến rõ nét, có thêm sinh kế, tích lũy được tài sản ổn định, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, địa phương. Đồng thời đã có nhiều hộ dân ý thức được việc đầu tư sinh kế với sản phẩm chất lượng cao nên ngoài mức kinh phí cộng đồng hỗ trợ, các hộ đã tự góp thêm kinh phí để mua sắm sản phẩm tốt hơn.

Ngoài ra, việc triển khai có hiệu quả các mô hình sinh kế, góp phần sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí đầu tư cho sự nghiệp lâm nghiệp, từng bước góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương ổn định, bền vững cũng như từng bước xã hội hóa trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

### **b) Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng**

- Trồng rừng đặc dụng, phòng hộ: Giai đoạn 2016-2021 tỉnh Ninh Thuận đã thực hiện trồng mới rừng phòng hộ, đặc dụng được 3.924,84 ha với các dự án, chương trình như sau:

+ Dự án Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ (*Dự án JICA2*): 1.094,26 ha.

+ Dự án Trồng mới, phục hồi và kết hợp quản lý bảo vệ rừng chống xâm thực bờ biển thuộc địa bàn các huyện Ninh Hải, Ninh Phước, Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2015-2020 (*Dự án SP-RCC*): 234,83 ha.

+ Chương trình Mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững (*Dự án Phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng sản xuất*): 1.199,39 ha.

+ Trồng rừng thay thế, khắc phục từ nguồn tiền ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh: 1.144,65ha.

Những năm qua thường xuyên xảy ra nắng hạn trên địa bàn tỉnh, tuy nhiên công tác trồng rừng phòng hộ vẫn đạt được một số kết quả nhất định về cả số lượng và chất lượng. Đặc biệt là các dự án đầu tư từ nguồn vốn vay ODA, vốn thuộc chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu cũng như Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững. Hiện nay diện tích rừng trồng có chất lượng rừng đảm bảo tiêu chí thành rừng sau chu kỳ đầu tư và cây trồng đang sinh trưởng tốt.

- Trong giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn tỉnh đã hỗ trợ trồng rừng sản xuất được 251,71 ha từ nguồn vốn thuộc Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng. Riêng từ năm 2017 đến nay do các hộ dân không đăng ký tham gia trồng rừng sản xuất nên dự án không thực hiện.

Kết quả trồng rừng sản xuất trong giai đoạn 2016-2021 diện tích rừng được đầu tư cho các hộ dân có nương rẫy thuộc quy hoạch đất lâm nghiệp không còn khả năng canh tác hoa màu do đất bị thoái hóa bạc màu đã chuyển sang trồng rừng sản xuất chủ yếu bằng cây Keo lai, Bạch đàn có năng suất cao tập trung chính tại 02 huyện Ninh Sơn và Bác Ái. Một số diện tích trồng từ năm 2016, đến nay cây sinh trưởng rất tốt và dự kiến sau 5-7 năm chu kỳ trồng rừng là người dân đã có thể khai thác bán sản phẩm tăng thu nhập từ vườn, rừng.

*(Chi tiết tại mục 2, 3 Phụ lục 08 đính kèm)*

**c) Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng quỹ bảo vệ và phát triển rừng để tổ chức trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2021. Kết quả việc thực hiện diện tích và chất lượng rừng trồng thay thế giai đoạn 2016-2021**

Nguồn tài chính cho hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng bao gồm: nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng (*DVMTR*) và nguồn thu từ nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Trong đó:

**\* Về nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng**

+ Chính sách chi trả DVMTR được quy định tại Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004, Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 về Chính sách chi trả DVMTR; đến 01/01/2019 được quy định tại Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, theo đó, quy định về đối tượng, hình thức chi trả, mức chi trả DVMTR và quản lý sử dụng tiền DVMTR. Hàng năm, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh rà soát, xác định diện tích cung ứng DVMTR, lập danh sách bên cung

ứng DVMTR; tổng hợp kế hoạch nộp tiền DVMTR của các bên sử dụng DVMTR; và lập kế hoạch thu, chi, dự toán chi quản lý theo quy định báo cáo Hội đồng đồng quản lý Quỹ thông qua, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Căn cứ kế hoạch thu, chi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Quỹ chi trả tiền DVMTR cho các đơn vị cung ứng DVMTR.

+ Nguồn tiền DVMTR của tỉnh được chi trả cho các đơn vị cung ứng DVMTR (*các đơn vị chủ rừng*) là đơn vị lâm nghiệp, Ủy ban nhân dân xã và lực lượng vũ trang (Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh). Từ đó, chủ rừng sử dụng tiền DVMTR để thực hiện thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng và giao khoán bảo vệ rừng cho các cộng đồng nhận khoán, vận động các cộng đồng nhận khoán bảo vệ rừng sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí được chi trả từ nguồn thu DVMTR (*cộng đồng đã tự trích 60% tiền công nhận khoán để mua dê, cừu, bò và cây giống trồng cây ăn quả phát triển kinh tế hộ gia đình; 40% số tiền còn lại để tuần tra bảo vệ rừng*). Chính sách chi trả DVMTR đã có tác động rất lớn làm thay đổi nhận thức, hành động của người dân đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng. Nhờ đó, đã ngăn chặn hiệu quả tình trạng đốt rừng, lấn, chiếm đất rừng trái pháp luật, các vụ vi phạm về bảo vệ rừng giảm đáng kể, thông qua công tác giao khoán bảo vệ rừng huy động được người dân sống trong rừng, ven rừng tham gia công tác bảo vệ rừng, tạo được việc làm và thu nhập ổn định cho người dân.

+ Kết quả thu, chi nguồn tiền từ DVMTR trong giai đoạn 2016-2021: Kế hoạch 44.807.507.586 đồng/Thực hiện 45.582.711.463 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 09 đính kèm)

**\* Tình hình thu tiền trồng rừng thay thế, trồng rừng khắc phục hiện trạng giai đoạn 2016-2021**

- Tổng số tiền trồng rừng thay thế, trồng rừng khắc phục hiện trạng phải nộp theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh giai đoạn 2016-2021 là **177.778.042.056 đồng**, với tổng diện tích phải trồng rừng thay thế, trồng rừng khắc phục hiện trạng là 1.367,10 ha/30 dự án (*bao gồm trồng rừng thay thế 176.791.179.138 đồng/ 1.359,49 ha; trồng rừng khắc phục hiện trạng 986.862.918 đồng/ 7,61 ha*).

- Kết quả thực hiện:

+ Tổng số tiền trồng rừng thay thế, trồng rừng khắc phục hiện trạng đã nộp vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng là **177.309.714.227 đồng**, với tổng diện tích là 1.367,10 ha/30 dự án; trong đó: nộp tiền trồng rừng thay thế là 176.341.535.483 đồng/1.359,49 ha và nộp tiền trồng rừng khắc phục hiện trạng là 968.178.744 đồng/7,61 ha.

+ Tổng số tiền trồng rừng thay thế, trồng rừng khắc phục hiện trạng các dự án còn phải nộp là **468.327.829 đồng**/2 dự án; trong đó: tiền trồng rừng thay thế của Dự án tuyến đường từ xã Ma Nối đi thôn Tà Nôi, huyện Ninh Sơn do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông



thôn làm chủ đầu tư là 449.643.655 đồng; tiền trồng rừng khắc phục hiện trạng của Dự án tuyến đường tạm Ba tháp - Suối Le, xã Phước Kháng, huyện Thuận Bắc do Xí nghiệp Xây dựng Lương Bằng thực hiện là 18.684.174 đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục 10 đính kèm)*

**\* Kết quả giải ngân thực hiện trồng rừng thay thế, trồng rừng khắc phục hiện trạng giai đoạn 2016-2021**

Tổng số tiền thực hiện trồng rừng thay thế, trồng rừng khắc phục hiện trạng đã nộp vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng là **177.309.714.227 đồng**, với diện tích phải thực hiện là **1.367,10 ha**. Trong đó:

- Tổng số tiền thực hiện trồng rừng thay thế, trồng rừng khắc phục hiện trạng đã giải ngân: 93.905.755.427 đồng/ diện tích đã thực hiện 1.145,15 ha.

- Số tiền trồng rừng thay thế, trồng rừng khắc phục hiện trạng còn tồn tại Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng là 83.403.958.800 đồng (*177.309.714.227 đồng - 93.905.755.427 đồng*). Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án án trồng rừng thay thế kế hoạch năm 2022 theo quy định.

**\* Kết quả thực hiện trồng rừng thay thế, trồng rừng khắc phục hiện trạng giai đoạn 2016-2021**

- Tổng diện tích trồng rừng thay thế, trồng rừng khắc phục hiện trạng bằng nguồn tiền trồng rừng nộp vào Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh: **Diện tích trồng rừng thay thế các dự án phải thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh (kế hoạch) là 1.367,10 ha/ Diện tích đã thực hiện 1.145,15 ha**. Trong đó:

+ Diện tích rừng trồng đã thành rừng năm 2016: 47,98 ha (*25,0 ha Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam; 22,98 ha Công ty TNHH MTV LN Ninh Sơn*);

+ Trồng rừng khắc phục trồng từ năm 2016 đến năm 2021: 5,21 ha (*2,89 ha Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu; 0,75 ha Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn hồ Tân Giang; 1,56 ha Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam*).

+ Trồng rừng thay thế trồng từ năm 2016 đến năm 2021: 1.091,96 ha (*390,27 ha Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu; 4,02 ha Công ty TNHH MTV LN Ninh Sơn; 242,60 ha Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình; 67,47 ha Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa; 107,49 ha Ban quản lý rừng phòng hộ Krôngpha; 203,11 ha Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tân Tiến; 32,0 ha Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn hồ Tân Giang; 45,0 ha Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam*).

+ Riêng năm 2022 đã phân bổ kế hoạch trồng rừng thay thế cho 06 đơn vị chủ rừng để tổ chức triển khai thực hiện là 894,5ha.

Những năm qua, trên địa bàn tỉnh cũng đã thực hiện trồng rừng theo các Chương trình, dự án những mức đầu tư thấp từ 30,0 triệu đồng đến 40,0 triệu đồng/ha, vì vậy chủ yếu là trồng trên diện tích nương rẫy cũ (*đất người dân đã canh tác bạc màu*), địa hình tương đối bằng phẳng, gần khu dân cư; loài cây trồng chủ yếu là cây Điều, mật độ trồng từ 500 cây đến 625 cây/ha để tạo thêm thu nhập cho người dân sống gần rừng và ổn định kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, để phủ xanh đất trồng đồi núi trọc góp phần tăng tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2021-2025 và duy trì tỷ lệ che phủ rừng trên địa bàn toàn tỉnh đến năm 2030 là 49%. Do đó, việc thực hiện trồng rừng thay thế, trồng rừng khắc phục hiện trạng thê tại những trảng cỏ tranh trên những ngọn núi cao của các huyện Bắc Ái, Ninh Sơn (*độ cao so với mặt nước biển từ 600 m đến 1.200 m*), địa hình đồi núi bị chia cắt mạnh bởi các khe suối, xa khu dân cư, không có đường giao thông với mức đầu tư trồng và chăm sóc rừng trồng thay thế cao hơn, trung bình khoảng 90 triệu đồng/ha/5 năm (*thời gian thực hiện 5 năm*) mới đảm bảo sau giai đoạn đầu tư rừng trồng đạt tiêu chí thành rừng theo quy định và nâng cao tỷ lệ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh.

*(Chi tiết tại Phụ lục 11 đính kèm)*

#### **d) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên**

Giai đoạn 2016-2021 toàn tỉnh đã thực hiện khoanh nuôi là 23.109,26 lượt ha rừng tự nhiên. Trong đó khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung là 11.510,00 lượt ha, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên là 11.599,26 lượt ha. Cụ thể theo các chương trình dự án sau:

- Chương trình Mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững: 18.037,26 lượt ha. Trong đó: Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên: 6.527,26 lượt ha; Khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung cây lâm nghiệp: 11.510,00 lượt ha;

- Dự án Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ: Khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên 2.588 lượt ha.

- Dự án SP-RCC: Khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên 2.484 lượt ha.

*(Chi tiết tại mục 4 Phụ lục 08 đính kèm)*

Công tác khoanh nuôi tái sinh rừng trên địa bàn tỉnh trong những năm qua được quan tâm thực hiện trên diện tích đất không có rừng, đất nương rẫy bỏ hóa lâu ngày, nhưng có khả năng phục hồi tự nhiên thành rừng từ tái sinh tự nhiên. Sau 5-6 năm thực hiện khoanh nuôi tái sinh rừng, hầu hết các trạng thái chưa có rừng đã phát triển thành các trạng thái rừng non phục hồi và trạng thái rừng khộp non góp phần tăng diện tích và chất lượng rừng tự nhiên và nâng cao tỷ lệ phủ rừng của tỉnh; những diện tích đủ điều kiện thành rừng thì chuyển sang khoán bảo vệ ổn định lâu dài cho cộng đồng tham gia bảo vệ rừng.

#### **d) Kết quả trồng cây phân tán**

Giai đoạn 2016-2021 toàn tỉnh đã cấp phát 1.787,74 ngàn cây giống chất lượng trồng phân tán. Trong đó từ nguồn vốn Chương trình Mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững hỗ trợ 1.614,79 ngàn cây và Dự án SP-RCC cấp 172,95 ngàn cây.

Cây giống hỗ trợ, cấp phát để thực hiện trồng phân tán đáp ứng được tiêu chí của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phù hợp với điều kiện địa phương về chủng loại và tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống. Các loài cây trồng chủ yếu là cây đa mục đích như: Dừa xiêm, Sao, Dầu, Keo lai, Phi lao, Thanh thất, ...Việc hỗ trợ nguồn cây giống cho các địa phương trong việc triển khai trồng cây phân tán trồng các dải rừng phòng hộ ven biển, khu dân cư, khu sản xuất nông nghiệp,.... nhằm chắn gió, cát, phòng hộ môi trường và đặc biệt giữ nguồn nước ngọt phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân và đem lại hiệu quả kinh tế cho các hộ gia đình. Đã làm thay đổi nhận thức của người dân trong việc bảo vệ và phát triển rừng, nhất là phong trào trồng cây nhân dân.

*(Chi tiết tại mục 5 Phụ lục 08 đính kèm)*

#### **e) Kết quả thực hiện phát triển giống cây lâm nghiệp phục vụ cho nhiệm vụ trồng rừng hằng năm**

- Giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã cấp 22 chứng chỉ công nhận giống cây trồng lâm nghiệp cho 09 đơn vị chủ nguồn giống, gồm 08 đơn vị chủ rừng thuộc tỉnh và 01 đơn vị có trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh (*Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam bộ*).

- Về chất lượng giống: Tại các Quyết định phê duyệt thiết kế trồng rừng, hỗ trợ cây giống trồng phân tán đã quy định tiêu chuẩn cây con xuất vườn cụ thể các chỉ tiêu như cấp chiều cao, đường kính, độ tuổi cây giống xuất vườn đem trồng tương ứng phù hợp với từng loài cây, mục đích trồng rừng. Bên cạnh đó, dựa trên tình hình thực tế của địa phương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật và đơn giá cây giống để phục vụ các chương trình, dự án phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; đồng thời cây giống trồng rừng được kiểm tra hồ sơ nguồn gốc giống, đánh giá chất lượng, tiêu chuẩn cây xuất vườn trước khi đem trồng rừng theo quy định hiện hành.

- Toàn bộ các đơn vị được cấp chứng chỉ nguồn giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đều là các đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước, nhằm mục đích sản xuất giống phục vụ phát triển rừng theo các chương trình, dự án được triển khai trên địa bàn tỉnh, chưa phát triển mô hình đăng ký sản xuất kinh doanh giống để thu lợi.

**g) Đánh giá công tác ứng dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, nhất là công nghệ sinh học vào sản xuất lâm nghiệp, xây dựng các mô hình thực nghiệm, nông lâm kết hợp (trồng mới, chăm sóc mô hình thực nghiệm); kết**

### **quả thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học (dự án Vườn quốc gia Núi Chúa, Vườn quốc gia Phước Bình)**

Trong giai đoạn 2016-2021 tại Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình và Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa đã triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, cụ thể:

- Thực hiện đề tài “ Bảo tồn nguồn gen Năm linh chi tại Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình”.

- Thực hiện đề tài “Bảo tồn và phát triển nguồn gen Năm Quế linh chi (*Humphreya endertii*) có nguồn gốc từ Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình.

- Thực hiện bảo tồn nguồn gen và nhân giống loài lan Giã Hạc. Suu tập được 02 loài lan Hải vân và Hạc đỉnh trắng thực hiện nuôi trồng chăm sóc và bảo tồn.

- Hoàn thành đề tài “Nghiên cứu bảo tồn và phát triển một số loài lan rừng (*Orchidaceae*) đặc trưng, quý hiếm tại Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa, tỉnh Ninh Thuận”.

### **h) Đánh giá kết quả thực hiện kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng**

Trong giai đoạn 2016-2021, đã thực hiện một số hạng mục phục vụ cho công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng với việc làm các đường tuần tra, đường lâm nghiệp, sửa chữa các trạm bảo vệ rừng đã xuống cấp nhằm đảm bảo công tác sinh hoạt cho lực lượng bảo vệ rừng tại các đơn vị chủ rừng, trạm kiểm lâm, trạm bảo vệ rừng và thực hiện các phương án phòng chống cháy rừng mùa khô. Cụ thể được thể hiện tại biểu số liệu như sau:

STT	Hạng mục	Tổng		Tỷ lệ %
		Kế hoạch	Thực hiện	
<b>I</b>	<b>Xây dựng cơ bản</b>			
<b>1</b>	<b>Đường tuần tra</b>			
-	Khối lượng (Km)	1,8	1,8	100
-	Kinh phí (Triệu đồng)	5.796,00	5.796,00	100
<b>2</b>	<b>Đường lâm nghiệp</b>			
-	Khối lượng (Km ha)	3,63	3,63	100
-	Kinh phí (Triệu đồng)	1.126,28	1.126,28	100
<b>3</b>	<b>Nâng cấp, sửa chữa trạm bảo vệ rừng</b>			
-	Khối lượng (Trạm)	10	10	100
-	Kinh phí (Triệu đồng)	4.070,00	4.011,88	99
<b>4</b>	<b>Hệ thống nước sinh hoạt trạm bảo vệ rừng</b>			
-	Khối lượng (công trình)	1	1	100
-	Kinh phí (Triệu đồng)	40	40	100

<b>5</b>	<b>Lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời trạm bảo vệ rừng</b>			
-	Khối lượng (công trình)	1	1	100
-	Kinh phí (Triệu đồng)	45	45	100
<b>6</b>	<b>Đường dây trung áp và trạm biến áp cấp điện Trạm bảo vệ rừng Trà Nô 2</b>			
-	Khối lượng (công trình)	1	1	100
-	Kinh phí (Triệu đồng)	148,7	135	91
<b>II</b>	<b>Phòng cháy chữa cháy rừng hàng năm</b>			
-	Khối lượng (năm)	19	19	100
-	Kinh phí (Triệu đồng)	7.514,32	7.463,67	99

(Chi tiết tại Phụ lục 12 đính kèm)

**i) Đánh giá về công tác đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực đối với công chức, viên chức ngành lâm nghiệp các cấp thực hiện có hiệu quả quản lý, bảo vệ và phát triển rừng**

Kết quả giai đoạn 2016-2021 đã cử nhiều công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng như: Lớp Cao cấp, Trung cấp lý luận chính trị; lớp bồi dưỡng kiến thức Quản lý Nhà nước ngạch Chuyên viên chính, Chuyên viên; Lớp bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng và An ninh đối tượng 3, cụ thể: Cao cấp LLCT: 5 người; Trung cấp LLCT: 25 người; sau Đại học: 6 người, Quản lý NN ngạch chuyên viên chính và tương đương: 5 người; Quản lý NN chuyên viên và tương đương: 44 người (trong đó 7 viên chức cử đi học và 37 viên chức được tạo điều kiện đi học); Lớp bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng và An ninh đối tượng 3: 01 người. Đến nay có 07 công chức, viên chức có trình độ thạc sỹ; 166 công chức, viên chức có trình độ đại học; 4 công chức, viên chức có trình độ cao đẳng; 23 công chức, viên chức có trình độ Trung cấp. Tính đến thời điểm hiện nay, nhân lực của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng.

**3. Đánh giá kết quả thực hiện tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016-2021 so chỉ tiêu Nghị quyết HĐND tỉnh (chỉ tiêu giai đoạn 2016-2020 và chỉ tiêu của năm 2021)**

**a) Đánh giá kết quả thực hiện tỷ lệ độ che phủ rừng giai đoạn 2016-2021 so với chỉ tiêu Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày ngày 14/10/2014**

Thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày ngày 14/10/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng thực hiện có hiệu quả công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2014-2015 và những năm tiếp theo. Theo đó, một trong những mục tiêu quan trọng là nâng cao năng lực quản lý và phát triển rừng đưa **tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2015 đạt trên 45% và 50% đến năm 2020** và phát triển lâm nghiệp toàn diện theo hướng xã hội hóa góp phần nâng cao đời sống nhân dân vùng có rừng.

Trong giai đoạn 2016-2020 tỷ lệ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận tăng 3,36 % (tương ứng với diện tích đất có rừng tăng khoảng 11.274 ha).

- Kết quả công bố hiện trạng rừng năm 2016 đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố tại Quyết định số 1819/QĐ-BNN-TCLN ngày 16/5/2017, theo đó độ che phủ rừng tỉnh Ninh Thuận năm 2016 đạt 42,3%.

- Kết quả công bố hiện trạng rừng năm 2020 đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố hiện trạng rừng toàn quốc tại Quyết định số 1558/QĐ-BNN-TCLN ngày 13/4/2021, theo đó tỷ lệ che phủ rừng tỉnh Ninh Thuận là 45,66%.

Như vậy tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2020 so với mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày ngày 14/10/2014 **còn thiếu 4,34%**. **Nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ che phủ không đạt so với mục tiêu Nghị quyết đề ra**, cụ thể:

+ Căn cứ kết quả công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 3158/QĐ-BNN-TCLN ngày 27/7/2016 và kết quả theo dõi diễn biến rừng tỉnh Ninh Thuận năm 2015. Theo đó diện tích đất có rừng **148.907 ha** (rừng tự nhiên: 139.608,10 ha, rừng trồng: 9.298,90 ha); đất chưa có rừng 49.806,50 ha. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2015 đạt 44,1%.

+ Căn cứ Quyết định số 594/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Dự án “Tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013 - 2016; Quyết định số 3183/QĐ-BNN-TCLN ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Ban hành hướng dẫn Tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013 - 2015;

+ Thực hiện Quyết định số 1560/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Phương án kiểm kê rừng tỉnh Ninh Thuận. Kết quả kiểm kê rừng tỉnh Ninh Thuận đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3076/QĐ-UBND ngày 09/12/2016. Theo kết quả kiểm kê rừng tổng diện tích đất có rừng 142.079,60 ha (rừng tự nhiên: 136.808,71 ha, rừng trồng thành rừng: 5.270,89 ha); đất chưa có rừng: 60.404,89 ha. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2016 đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố tại Quyết định số 1819/QĐ-BNN-TCLN ngày 16/5/2017 là 42,3% (**giảm 1,8% so với năm 2015**).

Nguyên nhân chênh lệch giảm: (i) là do trước đây việc công bố số liệu hiện trạng rừng năm 2015 chủ yếu là kết thừa từ số liệu thông kê quá khứ qua nhiều năm (có thống kê bổ sung một số thay đổi hàng năm) mà chưa phải là số liệu truy xuất từ bản đồ số, trong khi số liệu kiểm kê rừng đã tính toán thực tế và truy xuất từ bản đồ. (ii) Hiện trạng rừng năm 2015 được kế thừa từ số liệu rà soát quy hoạch 03 loại rừng năm 2007, tiêu chí phân loại rừng, đất rừng áp dụng theo Quyết định 682/QĐKT ngày 01/8/1984 của Bộ Lâm nghiệp và Thông tư số 34/2008/TT0BNNPTNT ngày 10/6/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn; trong đó có xác định các trạng thái rừng non phục hồi, rừng chưa có trữ lượng (trữ lượng cây đứng <math> < 10 \text{ m}^3/\text{ha}</math>) vẫn được xếp vào nhóm đất có rừng. Nhưng tiêu chí xác định và phân loại rừng thực hiện cho kiểm kê rừng lần này áp dụng theo Quyết định số 689/QĐ-TCLN-KL ngày 23/12/2013 của Tổng cục Lâm nghiệp thì các trạng thái rừng non phục hồi, chưa có trữ lượng (*đường kính bình quân <math> < 8 \text{ cm}</math>, trữ lượng cây đứng <math> < 10 \text{ m}^3/\text{ha}</math>)* sẽ được thống kê sang diện tích đất trống có cây gỗ tái sinh và được xếp vào nhóm đất chưa có rừng.

Ngoài ra, trong giai đoạn 2016-2020 tổng diện tích đã được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng và đất rừng sang mục đích khác để thực hiện một số dự án trên địa bàn tỉnh là 315,654 ha, trong đó diện tích đất có rừng 139,581 ha.

### **b) Đánh giá kết quả thực hiện tỷ lệ che phủ rừng năm 2021**

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành kế hoạch triển khai nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021. Theo đó, mục tiêu phấn đấu chỉ tiêu độ che phủ rừng năm 2021 đạt 47%.

Kết quả diễn biến rừng năm 2021 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 28/02/2022; theo đó tỷ lệ che phủ rừng tỉnh Ninh Thuận là 46,85%. Như vậy, tỷ lệ che phủ rừng năm 2021 so với mục tiêu đề ra tại Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 **còn thiếu 0,15%**.

Nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ độ che phủ không đạt so với mục tiêu đề ra là do diện tích đã được cấp thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng năm 2021 là 463,22 ha bao gồm: Dự án Đường Phước Đại Phước Tân (4,37 ha), dự án Đường Tà Nôi Ma Nôi (2,16 ha), Hệ thống hồ chứa nước Kiên Kiên (7,26 ha), dự án Đường dây 220kV Nha Trang Tháp Chàm (6,36 ha), Dự án Trang trại điện mặt trời Hồ Núi Một (10,28 ha), dự án Ninh Chữ Sailing Bay (1,03 ha), Dự án Hồ chứa nước Sông Than (431,76 ha).

### **4. Đánh giá việc thực hiện chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, nhất là các chính sách ưu đãi đầu tư cho phát triển rừng sản xuất ở những vùng đất trống, đồi núi trọc, phục hồi rừng tự nhiên, phát triển giống cây lâm nghiệp công nghệ cao**

Về chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng đã có hệ thống, cơ chế, chính sách khá đồng bộ dành cho công tác khuyến khích trồng rừng, bảo vệ rừng, nhất là hệ thống rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn. Qua đó, đã góp phần nâng cao chất lượng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm của tổ chức, cộng đồng, cá nhân trong công tác bảo vệ phát triển rừng, cải thiện sinh kế cho tổ chức, cá nhân nhận khoán bảo vệ phát triển rừng. Mặc dù vậy, mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng, bảo vệ rừng mới đáp ứng một phần, chưa cải thiện được sinh kế cho người dân giúp cộng đồng dân cư, những người dân tham gia bảo vệ rừng an tâm gắn bó với công tác bảo

vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học nói chung. Việc lồng ghép và triển khai các mô hình sinh kế gắn với lâm nghiệp được đa số người dân hưởng ứng nhiệt tình, mang lại sự đồng thuận cao trong tập thể các cộng đồng dân cư, nguồn kinh phí đầu tư được sử dụng đúng mục đích, cung cấp các vật tư, trang thiết bị, cây giống, con giống năng suất cao, con giống chất lượng góp phần nâng cao năng lực, phát triển sản xuất, tăng năng suất, chất lượng, cải thiện đời sống cho người dân góp phần giảm áp lực vào tài nguyên rừng.

**5. Đánh giá kết quả huy động nguồn lực giai đoạn 2016-2021 thực hiện bảo vệ, phát triển rừng so với chỉ tiêu Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh theo từng nguồn vốn**

**a) Vốn Chương trình Mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững**

Giai đoạn 2016-2021, kinh phí Ngân sách Trung ương đầu tư cho tỉnh Ninh Thuận thực hiện Dự án phát triển rừng phòng hộ đặc dụng và sản xuất (*Dự án Bảo vệ và phát triển rừng*) là 165.350 triệu đồng. Cụ thể phân theo nguồn vốn như sau:

- Vốn đầu tư phát triển: 52.500 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp: 112.850 triệu đồng.

**b) Vốn trồng rừng thay thế ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng đầu tư trồng rừng thay thế giai đoạn 2016-2021: 99.621,50 triệu đồng.**

**c) Vốn các dự án:**

- Dịch vụ môi trường rừng giai đoạn 2016-2021 là 36.752,71 triệu đồng.
- Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (Dự án JICA2) giai đoạn 2016-2021 là 76.390,0 triệu đồng (12.515,0 triệu đồng vốn đối ứng của địa phương; 63.875,0 triệu đồng vốn ODA do trung ương cấp).
- Dự án Trồng mới, phục hồi và kết hợp quản lý bảo vệ rừng chống xâm thực bờ biển (*SP-RCC*) giai đoạn 2016-2019 là 23.841,40 triệu đồng (1.722,35 triệu đồng vốn đối ứng của tỉnh; 22.119,04 triệu đồng vốn ODA do trung ương cấp).

**d) Vốn liên doanh liên kết**

Từ năm 2010 các đơn vị chủ rừng đã liên doanh liên kết với các doanh nghiệp thực hiện dự án cải tạo rừng tự nhiên là rừng sản xuất nghèo kiệt trên lâm phần quản lý (*Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ninh Sơn: Công ty Cổ phần Thiên Thiên Lộc, Công ty TNHH MTV xây dựng Ngọc Loan; Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Tân Tiến: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sản xuất Đại Phú Quý, Trường Đại học lâm nghiệp Cơ sở 2; Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn liên hồ Sông Sắt-Sông Trâu: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Ngọc Doanh; Doanh nghiệp tư nhân Hạnh Chi*). Hình thức đầu tư là Doanh nghiệp



đầu tư 100% vốn để thực hiện công tác trồng, chăm sóc rừng; các đơn vị chủ rừng tham gia thực hiện tổ chức quản lý bảo vệ.

Tuy nhiên, với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu khắc nghiệt thì việc thực hiện Dự án cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt để trồng rừng kinh tế trên địa bàn các đơn vị chủ rừng là không hiệu quả. Giai đoạn 2016-2021, các doanh nghiệp chỉ đầu tư chăm sóc, bảo vệ diện tích trồng rừng liên doanh từ các năm trước. Hiện nay các đơn vị chủ rừng đang phối hợp với các đơn vị liên doanh liên kết để rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư trong thời gian qua, thanh lý các hợp đồng ngắn hạn đã ký kết, tiếp tục rà soát, nghiên cứu, điều chỉnh Phương án đầu tư trong thời gian tới đảm bảo mang lại hiệu quả cao.

*(Chi tiết theo Phụ lục 13 đính kèm)*

## **6. Đánh giá hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước chính quyền các cấp và hoạt động của Kiểm lâm về hoạt động lâm nghiệp tại địa phương**

- Qua 5 năm thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã được các cấp ủy, chính quyền, các ngành trong hệ thống chính trị quan tâm triển khai, đạt được những kết quả quan trọng, đặc biệt là sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và mọi cá nhân đối với việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương được nâng cao.

- Trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp của chính quyền địa phương được nâng cao; công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, kịp thời; tổ chức quán triệt, thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Quyết định của Trung ương và của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý, bảo vệ rừng. Quá đó, công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng trên địa bàn đã có chuyển biến rất tích cực.

- Công tác phối hợp giữa lực lượng kiểm lâm, lực lượng chủ rừng và chính quyền địa phương được thực hiện thường xuyên, nhịp nhàng trong công tác tuần tra, truy quét, phối hợp xử lý các vụ vi phạm, tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng từ đó hiệu quả công tác quản lý nhà nước về quản lý bảo vệ rừng được nâng lên.

## **7. Vai trò, trách nhiệm của các Sở, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện liên quan trong việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng**

- Công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng luôn được các cấp, các ngành xem là nhiệm vụ chính trị quan trọng nên đã quan tâm chỉ đạo sâu sát, cũng như hỗ trợ, giải quyết khó khăn vướng mắc kịp thời.

- Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư tạo điều kiện phân bổ, cấp kinh phí và hướng dẫn giải ngân kinh phí kịp thời, đúng quy định.

- Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc quản lý sử dụng đất đai, phối hợp với Chi cục Kiểm lâm trong công tác bàn giao, thẩm định kết quả kiểm kê, đánh giá hiện trạng rừng.

- Công an tỉnh và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tham gia phối hợp với lực lượng Kiểm lâm và lực lượng bảo vệ rừng trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng và truy quét chống phá rừng.

- Ủy ban nhân dân các huyện hỗ trợ kinh phí thực hiện Phương án Phòng cháy chữa cháy rừng và truy quét chống phá rừng cấp xã. Chỉ đạo lực lượng chuyên môn phối hợp với lực lượng Kiểm lâm và lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách trong công tác tuần tra, truy quét, điều tra và xử lý vi phạm. Từ đó, góp phần nâng cao công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng.

#### **IV. Đánh giá chung**

##### **1. Thuận lợi, khó khăn**

###### **a) Thuận lợi**

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng ngày càng hoàn thiện, phù hợp với thực tiễn, tạo hành lang pháp lý huy động nguồn lực cho phát triển lâm nghiệp. Chủ trương xã hội hóa công tác quản lý bảo vệ rừng, đa dạng hoá các thành phần kinh tế trong lâm nghiệp, giao đất, giao rừng, khoán bảo vệ rừng đã đi vào cuộc sống. Vai trò, trách nhiệm quản lý Nhà nước về rừng, đất rừng của các ngành và chính quyền các cấp, các tổ chức xã hội ngày càng được làm rõ và nâng lên; nhận thức và trách nhiệm của các địa phương và người dân về tầm quan trọng của rừng được nâng lên rõ rệt.

- Hàng năm, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng được Trung ương giao sớm từ cuối năm trước để Tỉnh chủ động triển khai thực hiện. Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương đã ban hành nhiều chính sách mới đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của người dân, tạo nguồn động lực mạnh mẽ trong sản xuất lâm nghiệp. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đã được hoàn thiện và ban hành kịp thời như: Chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020 ban hành theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 9/9/2015 của Chính phủ; Chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp ban hành theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; các chính sách đầu tư đối với rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất,... Đặc biệt năm 2019, Luật Lâm nghiệp chính thức có hiệu lực thi hành, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn kịp thời tạo hành lang pháp lý và là cơ sở để thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh;

- Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, trồng rừng thay thế được thúc đẩy và triển khai mạnh mẽ từ cấp tỉnh đến các địa phương, tạo nguồn thu để đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng;

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ của các Sở, ngành và chỉ đạo của Thường trực Huyện Ủy, UBND các huyện và Đảng ủy, UBND cấp xã đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

## **b) Khó khăn**

- Diện tích đất lâm nghiệp tỉnh Ninh Thuận lớn, phân bố trên địa bàn rộng ở hầu hết các huyện, địa hình hiểm trở. Hơn nữa tỉnh Ninh Thuận lại giáp ranh với 3 tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận và Khánh Hòa với chiều dài vùng giáp ranh khoảng trên 100 km, đi lại khó khăn, xa sự quản lý, kiểm soát của chính quyền địa phương. Đặc thù của Ninh Thuận là đất trống chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp chủ yếu là đất đồi núi, đá; đất trống cây bụi, trơ sỏi đá, rất khó khăn cho việc trồng rừng, phát triển rừng;

- Song song Quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, của huyện để thực hiện các nhiệm vụ chính trị phát triển kinh tế- xã hội của địa phương, đầu tư mở rộng hệ thống hạ tầng giao thông một số tuyến đường liên xã, mở rộng và nâng cấp nhiều tuyến đường liên tỉnh, liên huyện. Từ đó giá đất tại vùng thực hiện các dự án tăng; nhiều hộ dân bị thu hồi diện tích thực hiện dự án, thiếu đất sản xuất, ảnh hưởng đến đời sống sinh kế của người dân sống gần rừng, nên dẫn đến tình trạng lết lút vào rừng để lấn chiếm đất rừng và phá rừng trái pháp luật, đã áp lực nặng nề hơn đến nhiệm vụ công tác quản lý bảo vệ rừng của Ngành, của các đơn vị chủ rừng, nhất là trong công tác tăng cường bố trí lực lượng (trong khi biên chế không tăng), cũng như việc đầu tư phương tiện, trang thiết bị, trạm, chốt bảo vệ rừng để tăng cường các giải pháp trong công tác quản lý, bảo vệ rừng sau khi các tuyến đường giao thông hình thành;

- Nhu cầu vốn để đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh rất lớn, mặc dù tỉnh đã huy động, lồng ghép các nguồn vốn từ các Chương trình, dự án để thực hiện Chương trình, nhưng nhìn chung nguồn vốn được bố trí đang còn thấp, vốn Trung ương bố trí hàng năm còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu vốn để phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh;

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách đã được ban hành kịp thời. Tuy nhiên, một số quy định còn chồng chéo, chưa thực sự đồng bộ nên việc triển khai áp dụng đang còn gặp nhiều khó khăn; khi thay đổi cơ chế, chính sách, quy định pháp luật từ giai đoạn này qua giai đoạn tiếp theo thì chậm ban hành thông tư hướng dẫn, ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch về lĩnh vực lâm nghiệp tại địa phương (Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp chưa có thông tư hướng dẫn). Áp lực về tiến độ giải ngân, nhất là đối với nguồn vốn đầu tư công lớn, trong khi các quy định về trình tự,

thủ tục, hồ sơ giải ngân còn phức tạp, chưa kể đến đặc thù sản xuất lâm nghiệp là hoạt động mang tính thời vụ;

- Một số địa phương, đơn vị có lúc, có nơi còn chưa thực sự quan tâm đến công tác bảo vệ và phát triển rừng; nhận thức của người dân sống gần rừng ở một số địa phương vẫn còn hạn chế, chưa hiểu hết tầm quan trọng của bảo vệ phát triển rừng; điều kiện kinh tế khó khăn, chu kỳ sản xuất kinh doanh rừng kéo dài, chưa yên tâm đầu tư vào công tác bảo vệ và phát triển rừng. Cộng đồng dân cư và hộ gia đình đồng bào dân tộc được các chủ rừng giao khoán bảo vệ rừng, tuy nhiên diện tích rừng giao khoán bảo vệ chủ yếu là rừng khộp, rừng nghèo núi đá, nên thu nhập ngoài việc nhận tiền công nhận khoán bảo vệ thì việc hưởng lợi từ rừng tự nhiên xem như không có, do đó áp lực tác động vào rừng vẫn còn xảy ra;

- Nhiệm vụ QLBRV có tính đặc thù, nhất là lực lượng quản lý bảo vệ rừng chuyên trách của các đơn vị chủ rừng, đây là lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ QLBRV tại địa bàn cơ sở hết sức nặng nề, hàng ngày thường đối mặt hiểm uy với các đối tượng vi phạm; điều kiện làm việc, sinh hoạt trong rừng, vùng sâu, vùng xa, còn nhiều khó khăn, thiếu thốn so với địa bàn, lực lượng khác, nhưng lương, thu nhập còn thấp; mặt khác phương tiện đi làm phải dùng xe cá nhân, kinh phí hỗ trợ xăng xe không có, nên chưa thu hút đội ngũ lực lượng có trình độ, năng lực làm việc, gắn bó lâu dài với nghề, dẫn đến lực lượng thiếu ổn định, ít nhiều ảnh hưởng đến nhiệm vụ công tác QLBRV;

- Các đối tượng phá rừng khi bị lực lượng Kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng truy quét ngày càng trở nên liêu lĩnh, sẵn sàng chống trả lực lượng chức năng khi cần thiết, gây nhiều khó khăn, áp lực cho lực lượng Kiểm lâm và lực lượng bảo vệ rừng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tuần tra, truy quét và ngăn chặn vi phạm;

- Vấn đề cấp sổ theo kê khai, không có trích lục bản đồ xác định vị trí cụ thể diện tích đất cấp, diện tích canh tác nương rẫy cũ của người dân địa phương trong quy hoạch 03 loại rừng tồn tại trong nhiều giai đoạn trước đây chưa có nguồn kinh phí để các đơn vị chủ rừng tổ chức thực hiện thống kê, bóc tách, lập hồ sơ lâm bạ để quản lý chặt chẽ diện tích này theo quy định đã ảnh hưởng khó khăn trong công tác quản lý đối với diện tích đất này trong thời gian qua; mặt khác các đơn vị chủ rừng vẫn chưa được cấp đủ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích rừng và đất rừng được giao quản lý theo Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 về việc phê duyệt quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Nguồn kinh phí đầu tư, mua sắm phương tiện, trang thiết bị, công cụ hỗ trợ phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh còn hạn chế, chưa đủ mạnh, thiếu về số lượng, chưa được đầu tư tương xứng so với nhu cầu nhiệm vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng, nhất là các phương tiện, thiết bị, công cụ hỗ trợ cho lực lượng lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách trong thực hiện

nhệm vụ tuần tra, truy quét chống phá rừng, các thiết bị giám sát thông minh phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng...chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới, từ đó ảnh hưởng hiệu quả công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, chống phá rừng chưa cao;

- Nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, dự án đầu tư lâm sinh của tỉnh chủ yếu từ nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ, nhưng hàng năm Trung ương thường phân bổ, hỗ trợ về tỉnh còn chậm (có thời điểm cấp giữa năm, Quý 3, đầu quý 4 hàng năm) nên chưa chủ động được nguồn vốn đã ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện dự án có năm còn chậm, nhất là nguồn kinh phí thực hiện dự án trong rừng, chính sách giao khoán BVR... Hiện nay, kinh phí thực hiện giao khoán bảo vệ rừng thuộc Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững trong năm 2021 chỉ được giao vốn để thực hiện diện tích giao khoán bảo vệ 22.401,82 ha (khu vực I) theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Đối với phần diện tích 33.942 ha rừng giao khoán; khoanh nuôi tái sinh 3.737 ha và chăm sóc rừng trồng đang trong chu kỳ đầu tư 745 ha thuộc khu vực II, III thuộc kế hoạch năm 2021-2022 vẫn chưa được Trung ương phân bổ vốn cho tỉnh, các đơn vị chủ rừng chưa kinh phí để thực hiện.

## **2. Kết quả đạt được**

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình Mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020 tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị lâm nghiệp và UBND các huyện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trong thời gian qua đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Diện tích rừng được quản lý, bảo vệ tương đối tốt, ngăn chặn và hạn chế tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép, lập lại trật tự trong quản lý lâm sản, hạn chế tối thiểu rừng bị cháy trong mùa khô. Công tác truy quét chống phá rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng ngày càng được xã hội hóa, triển khai sâu rộng từ tỉnh đến huyện, xã;

- Diện tích rừng tự nhiên cơ bản được quản lý bảo vệ tốt, góp phần giữ vững ổn định tỷ lệ che phủ rừng, phát huy chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường. Số vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp giảm 32,35% so với giai đoạn 2011-2015. Tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh đến năm 2021 đã đạt 46,85 % tăng 2,75 % so với năm 2015;

- Diện tích rừng trồng tăng nhanh qua từng năm, bình quân mỗi năm trồng được 654,14 ha tăng 332,54 ha so với giai đoạn 2011-2015;

- Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, trồng rừng thay thế được thúc đẩy và triển khai mạnh mẽ từ cấp tỉnh đến các địa phương, tạo nguồn thu để đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng;

- Về công tác quản lý bảo vệ rừng: Việc khoán quản bảo vệ rừng cho các đơn vị vũ trang, các công đồng dân cư trên địa bàn các xã thuộc khu vực khó

khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với mô hình sinh kế (nông lâm kết hợp) giảm nghèo bền vững rừng từ nguồn thu dịch vụ môi trường rừng, nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ hàng năm đã thu hút nhiều hộ dân, nhiều cộng đồng dân cư tham gia, góp phần tích cực vào công tác quản lý, bảo vệ rừng và tạo sinh kế cho người dân gắn bó với rừng, có nhiều hộ tích lũy tài sản vươn lên thoát nghèo. Từ việc tăng cường tuyên truyền vận động phổ biến kiến thức cơ bản về bảo vệ phát triển rừng, người dân trong cộng đồng nhận thức được những lợi ích từ rừng; rừng còn giúp họ có môi trường sống trong lành, giữ được nguồn nước, hạn chế thiên tai và bà con được nâng cao thu nhập; mặt khác người dân đã chủ động hơn trong việc đấu tranh chống lâm tặc, không tham gia hoặc tiếp tay cho các đối tượng phá rừng, khai thác, buôn bán, vận chuyển lâm sản trái pháp;

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, công tác tạo sinh kế cho người dân sống vùng ven rừng (vùng đệm) thời gian qua được Sở Nông nghiệp chú trọng quan tâm, chỉ đạo các đơn vị chủ rừng trong tỉnh triển khai tích cực, chủ động phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia nhận khoán bảo vệ rừng và cùng thực hiện các mô hình sinh kế gắn với công tác quản lý bảo vệ rừng, cụ thể đã có một số mô hình sinh kế đã và đang triển khai như (1) Mô hình sinh kế chăn nuôi bò dưới tán rừng tại Ban Quản lý rừng PHĐN hồ Tân Giang, huyện Ninh Phước, huyện Thuận Nam. Diện tích hàng năm giao khoán là 10.740 ha/15 tổ cộng đồng, với 345 hộ tham gia. (2) Mô hình chăn nuôi Dê tại BQL rừng PHVB Thuận Nam, huyện Thuận Nam. Diện tích hàng năm giao khoán là 1.734 ha/ 04 Tổ cộng đồng, với 78 hộ tham gia. (3) Mô hình trồng cây ăn trái tại BQL rừng PH Krông Pha, huyện Ninh Sơn. Hàng năm giao khoán là 3.285 ha/ 04 Tổ cộng đồng, với 80 hộ tham gia. (4) Mô hình huy động người dân tham gia bảo vệ rừng kết hợp phát triển chăn nuôi bò, dê dưới tán rừng tại BQL rừng PHĐN liên hồ SS-ST, huyện Bác Ái, Thuận Bắc. Diện tích hàng năm giao khoán là 14.606 ha/28 tổ cộng đồng, với 518 hộ tham gia.

Kết quả thực hiện mô hình bảo vệ rừng gắn với sinh kế của người dân trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2016-2021 tại các Ban quản lý rừng, với tổng số lượng gia súc mua ban đầu và được duy trì, phát triển đến nay: **Bò: 976 con** (Tân giang: 531 con; Thuận Nam: 5 con; SS-ST: 368 con; Krông pha: 72 con); **Dê: 215 con** (Thuận Nam: 163 con; SS-ST: 52 con); **Cừu: 24 con** (Thuận Nam). **Cây ăn quả 7.230 cây** (Trôm Trôm, Sầu Riêng, Bơ và **Ông dẫn nước từ chày: 5000m** tại Krông pha). Bên cạnh việc bảo vệ rừng gắn với sinh kế, các hộ dân tham gia Tổ cộng đồng còn được vay vốn ngân hàng theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 9/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020. Kết quả có 294 hộ được tiếp cận với nguồn và giải ngân là 14,257 tỷ đồng, trong đó: (SS-ST: 180 hộ/8,557 tỷ đồng; Tân giang 102 hộ/5,1 tỷ đồng; Krông pha 12hộ/600 triệu đồng). Hầu hết các hộ dân đều sử dụng nguồn vay đúng mục đích và có hiệu quả.

Cách thức triển khai hoạt động sinh kế: Các đơn vị chủ rừng đã chủ động phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã, thôn để họp bàn, thảo luận về bảo vệ rừng

kết hợp với sinh kế cho người dân và quyết định chọn hộ tham gia vào nhóm cộng đồng (*người dân tham gia vào nhóm cộng đồng phải là nam, có sức khỏe, ưu tiên những hộ nghèo, cận nghèo, sống ở trong, gần rừng...*) trên cơ sở đó, UBND cấp xã đã ra quyết định thành lập Tổ cộng đồng BVR. Mỗi Tổ bảo vệ rừng cộng đồng có khoảng từ 15 đến 20 hộ tham gia; tùy vào diện tích, khu vực giao khoán, tối đa giao khoán cho 01 hộ bảo vệ rừng không quá 30ha/hộ. Tổ cộng đồng được thành lập, có Tổ trưởng, tổ phó và các thành viên để phân công thực hiện nhiệm vụ tuần tra bảo vệ rừng tại khu vực rừng được giao khoán. Khi kiểm tra phát hiện các hành vi xâm hại đến rừng thì lập tức báo cáo ngay cho các Trạm cửa rừng để có biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời. Về kinh phí khi được các đơn vị chủ rừng chi trả với mức 400.000 đồng/ha, Tổ cộng đồng trích 40% để chi trực tiếp cho công tác trực, tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng; số 60% kinh phí còn lại được các hộ trích để mua Dê, bò, cây ăn quả và phát cho các thành viên trong tổ để về nuôi, trồng nhằm phát triển kinh tế gia đình.

- Về công tác phát triển rừng: Việc trồng rừng phòng hộ trên diện tích đất trống trong thời gian, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện đã đạt được những kết quả nhất, điển hình như: Trồng rừng phòng hộ trên núi đá tại Ban quản lý rừng PHVB Thuận Nam; trồng rừng phòng hộ bằng loài cây Thông 3 lá trên diện tích thực bì cỏ tranh tại Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tân Tiến, Ban quản lý rừng PHĐN liên hồ Sông Sắt-Sông Trâu và trồng rừng phòng hộ loài cây Điều xen với cây ăn trái (Bưởi, Mít) tại Ban quản lý rừng Krôngpha đến nay đã thu hoạch trái; thông qua việc trồng rừng đã góp phần nâng độ che phủ rừng chung của tỉnh, chống sa mạc hóa vùng bán khô hạn khắc nghiệt của huyện Thuận Nam, tạo màu xanh cảnh quan, cải thiện môi trường sinh thái, nguồn nước ngầm...đáng kể tại khu vực này so với trước khi trồng rừng phủ xanh và người dân hưởng lợi từ việc thu hoạch sản phẩm; đồng thời đã góp phần giải quyết được việc làm cho lao động dư dôi, góp phần cải thiện đời sống, nâng cao nhận thức của nhân dân trong công tác bảo vệ và phát triển rừng. Góp phần ổn định chính trị, an ninh trật tự xã hội, tăng cường tiềm lực quốc phòng trên địa bàn.

### **3. Những tồn tại, hạn chế, bất cập, vướng mắc:**

- Tình trạng vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp vẫn còn xảy ra, nhất là các vụ phá rừng, vận chuyển lâm sản trái pháp luật; phát sinh các tụ điểm vi phạm về khai thác, mua bán, vận chuyển cây cảnh trái phép tại các huyện Thuận Nam, Ninh Phước;

- Công tác xử lý vi phạm còn chiếm tỷ lệ thấp do nhiều vụ phá rừng chưa điều tra được đối tượng vi phạm để xử lý nên vẫn đang lập hồ sơ theo dõi, quản lý và áp dụng các biện pháp bảo vệ để phục hồi rừng;

- Trách nhiệm của UBND cấp xã trong việc quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng, trách nhiệm bảo vệ rừng của chủ rừng vẫn còn những hạn chế, bất cập, dễ xảy ra phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật trên địa bàn quản lý;

- Kinh phí thực hiện giao khoán bảo vệ rừng thuộc Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững trong năm 2021 chỉ được giao vốn để thực hiện diện tích 22.401,82 ha ngoài khu vực II, III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ (*trong đó giao chuyển tiếp là giao mới 14.608,82 ha và chuyển tiếp 7.793 ha*). Đối với phần diện tích 33.942 ha rừng giao khoán thuộc khu vực II, III vẫn chưa được phân bổ, vì vậy các đơn vị chủ rừng chưa thanh toán cho các cộng đồng, tổ chức nhận khoán;

- Kinh phí thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng thuộc Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững trong năm 2021 chỉ được phân bổ để thực hiện 1.927 ha rừng ngoài khu vực II, III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ (*gồm khoanh nuôi chuyển tiếp 1.217 ha, khoanh nuôi mới 710 ha*). Diện tích 1.810 ha rừng thuộc khu vực II, III chưa được bố trí vốn để thực hiện;

- Vốn đầu tư ngân sách Trung ương cho công tác thực hiện kế hoạch năm 2021 chủ yếu là vốn chuyển tiếp kế hoạch năm 2020 chuyển sang. Vốn đầu tư mới giai đoạn 2021-2025 chưa được bố trí theo Phương án quản lý rừng bền vững đã được phê duyệt;

- Kinh phí, suất đầu tư trồng rừng của các chương trình, dự án còn thấp so với điều kiện tự nhiên khô hạn của Ninh Thuận;

- Chế độ, chính sách đối với những người làm công tác quản lý, bảo vệ rừng chưa phù hợp, nhất là những người trực tiếp làm công tác quản lý, bảo vệ rừng tại các Ban quản lý rừng, Công ty lâm nghiệp. Với công việc nặng nhọc, nguy hiểm với điều kiện làm việc rất khó khăn, lương thấp rất khó để họ yên tâm bám rừng, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao;

- Căn cứ theo điểm c, Khoản 1, Điều 10, Luật Lâm nghiệp 2017 quy định: *Rừng tự nhiên phải được đưa vào quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất*; đồng thời theo khoản 4, Điều 108, Luật Lâm nghiệp 2017 quy định: *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát diện tích rừng tự nhiên hiện có để đưa vào quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành*. Thực hiện Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 về việc phê duyệt quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, **trong đó có chuyển diện tích rừng và đất rừng 18.041,58 ha** trước đây do UBND xã quản lý sang cho các chủ rừng quản lý (trong đó: *Ban QLRPĐN hồ Tân Giang: 493,47 ha; Ban QLRPĐN liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu: 7.567,91 ha; Ban QLRPĐN Krôngpha: 2.339,31 ha; Công ty TNHH MTV LN Ninh Sơn: 854,18 ha; Công ty TNHH MTV LN Tân Tiến: 1.282,63 ha; Ban quản lý VQG Núi Chúa: 444,45 ha; Ban quản lý VQG Phước Bình: 5.059,63 ha*), nhưng hiện nay chưa giao thêm biên chế sự nghiệp cho các chủ rừng để quản lý, bảo vệ diện tích rừng này.

- Căn cứ quy định Điều 53, Điều 56, Điều 60 Luật Lâm nghiệp năm 2017 có quy định: *“các hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, du lịch sinh*



*thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất”.* Căn cứ quy định Điều 14, Điều 23, Điều 32 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp quy định: *“Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất”.* Tuy nhiên các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn chi tiết quy định cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất;

#### **4. Nguyên nhân hạn chế**

##### **a) Nguyên nhân khách quan**

- Diện tích rừng trải rộng, địa hình đồi núi hiểm trở trong khi lực lượng Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng còn thiếu, nên việc tuần tra phát hiện, ngăn chặn vi phạm và điều tra đối tượng để xử lý vi phạm còn nhiều hạn chế.

- Thực trạng di dân, canh tác của người dân tại các khu vực vùng giáp ranh, tình trạng thiếu đất sản xuất, nhất là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ven rừng (trong đó có tình trạng mua bán, sang nhượng đất trái phép hoặc thu hồi thực hiện các dự án đầu tư...) dẫn đến tình trạng người dân phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp làm nương rẫy.

- Công tác phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng, tuần tra truy quét chống phá rừng giữa các lực lượng bảo vệ rừng của đơn vị chủ rừng, Kiểm lâm địa bàn và Ban Chỉ huy Bảo vệ rừng và Phòng cháy chữa cháy rừng xã chưa thật sự chặt chẽ, đồng bộ.

- Do điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, khí hậu diễn biến phức tạp, nắng hạn thường kéo dài gây ra tình trạng rừng trông qua các năm bị thiệt hại và sinh trưởng kém.

- Tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp có thời điểm phải thực hiện giãn cách xã hội, một số công chức phải cách ly, làm việc tại nhà nên công tác tuần tra, truy quét chống phá rừng có lúc bị gián đoạn, công tác tuyên truyền trong nhân dân bằng hình thức trực tiếp phải tạm dừng, chủ yếu chuyển qua hình thức tuyên truyền bằng hệ thống loa, đài phát thanh xã, thôn nên hiệu quả mang lại chưa cao. Ngoài ra, cũng do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, tình trạng người lao động mất việc làm quay trở về địa phương đã tham gia thực hiện hành vi vi phạm về phá rừng, khai thác lâm sản trái pháp luật; nhất là trong giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2021, tập trung chủ yếu trên địa bàn xã Lâm Sơn, Mỹ Sơn, Ma Nối, huyện Ninh Sơn; xã Phước Minh, Phước Diêm, Phước Dinh, huyện Thuận Nam.

##### **b) Nguyên nhân chủ quan**

- Công tác tuyên truyền đã được tăng cường hơn, nhưng hiệu quả vẫn còn chưa cao, một số đơn vị vẫn còn chậm đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền, chưa thật sự nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ rừng, nhất là nhân dân các xã miền núi. Do vậy một bộ phận nhân dân vẫn tiếp tục phá rừng làm rẫy, tiếp tay hoặc làm thuê, chỉ đường cho bọn khai thác rừng trái phép.

- Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng (*kiểm lâm và bảo vệ rừng chuyên trách của chủ rừng*) chưa đủ mạnh, thiếu về số lượng; một bộ phận công chức kiểm lâm địa bàn, còn yếu về chuyên môn, nghiệp vụ, chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới; phương tiện, vũ khí, công cụ hỗ trợ còn thiếu.....từ đó dẫn đến hiệu quả công tác bảo vệ rừng, chống phá rừng chưa cao.

- Công tác điều tra các vụ lấn chiếm đất lâm nghiệp trái phép, chống người thi hành công vụ thường kéo dài dẫn đến khi xử lý thì vụ việc không còn mang tính thời sự, không được nhiều người quan tâm, điều đó đã làm giảm hiệu quả tuyên truyền của vụ việc. Bên cạnh đó là vẫn còn nhiều vi phạm vắng chủ, xuất hiện nhiều trường hợp chống người thi hành công vụ không điều tra được đối tượng để xử lý răn đe.

- Vốn chủ yếu dựa vào vốn ngân sách nhà nước, chưa huy động được nhiều nguồn lực từ người dân, doanh nghiệp và các thành phần kinh tế vào bảo vệ và phát triển rừng; vốn đầu tư cho ngành lâm nghiệp còn rất thấp so với nhu cầu, cơ cấu đầu tư chưa cân đối.

- Nhận thức về lâm nghiệp của các ngành, các cấp có chuyên biến nhưng quan tâm chưa đầy đủ và toàn diện; tác động của ngành lâm nghiệp đối với xóa đói giảm nghèo còn hạn chế chưa tạo ra nhiều việc làm; thu nhập của người làm nghề rừng còn thấp và chưa ổn định.

- Việc thu hút lực lượng các bộ trẻ được đào tạo chính quy và ngành Kiểm lâm hiện nay rất khó khăn, nên việc đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ tiếp cận là rất ít chưa đảm bảo theo yêu cầu trong thời kỳ mới hiện nay.

## **5. Một số bài học kinh nghiệm**

- Cơ quan, đơn vị, địa phương nào có sự quan tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát, quyết liệt của cấp ủy, chính quyền, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực và phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể các cấp thì hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng địa bàn, địa phương đó được nâng lên.

- Cơ quan, đơn vị, địa phương nào làm tốt, có cách làm hay trong công tác tuyên truyền, vận động các quy định, chính sách, các mô hình sinh kế thực tế hiệu quả thì thu hút nhiều người dân tích cực cùng cộng đồng dân cư tham gia, thực hiện, góp phần thực hiện tốt, hiệu quả hơn trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương nào **có** trách nhiệm, có tinh thần tiên phong, gương mẫu, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt; biết lựa chọn những nội dung mang tính đột phá, bức xúc, xây dựng và nhân rộng mô hình điểm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, có giải pháp khắc phục hiệu quả tồn tại, hạn chế, kịp thời khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc thì hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng có sự chuyển biến rõ rệt.

- Tranh thủ khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, đa dạng hóa và huy động tốt các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn lực xã hội từ các tổ chức, doanh nghiệp tài trợ, hỗ trợ; đồng thời biết khai thác, kết hợp lồng ghép các nguồn lực trong dân phù hợp để nhà nước và nhân dân cùng thực hiện, khắc phục khuynh hướng trông chờ, ỷ lại vào ngân sách nhà nước thì việc triển khai thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng, nhất là phát triển rừng rất thuận lợi, hiệu quả, được nhân dân hưởng ứng, động thuận cao.

## **V. Giải pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo**

### **1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng**

- Chỉ đạo các đơn vị chủ rừng, đơn vị Kiểm lâm tiếp tục tăng cường công tác phối hợp với chính quyền địa phương các xã có rừng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật bằng các hình thức phù hợp, hiệu quả nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, PCCCR trong cộng đồng dân cư trên địa bàn.

- Tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác phối hợp với chính quyền địa phương các huyện, các xã có rừng định kỳ, thường xuyên, đột xuất để thực hiện quả trong công tác phối hợp, triển khai các giải pháp trong công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp trên địa bàn, nhất là công tác quản lý nhà nước về đất đai gắn với quản lý chặt chẽ diện tích rừng và đất rừng theo quy hoạch, công tác chống phá rừng, PCCCR, xử lý các vụ việc vi phạm liên quan lĩnh vực lâm nghiệp nhằm tăng cường nữa hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp giữa ngành với địa phương.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn, kiến thức pháp luật...cho đội ngũ lực lượng Kiểm lâm, QLBRV chuyên trách đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng, có đủ điều kiện tiêu chuẩn, năng lực, kỹ năng, kinh nghiệm trong thực thi nhiệm vụ góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hiệu quả trong công tác quản lý, bảo vệ rừng trong tình hình mới.

- Tổ chức thực hiện đúng quy định của pháp luật về lâm nghiệp; rà soát kiện toàn tổ chức, lực lượng kiểm lâm, QLBRV chuyên trách; tham mưu bổ sung kịp thời các cơ chế, chính sách về lâm nghiệp, chế độ đặc thù cho lực lượng QLBRV chuyên trách; các giải pháp về nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất hạ tầng, phương tiện, trang thiết bị, công nghệ trong quản lý, giám sát rừng thông

minh để nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng đối với diện tích rừng và đất rừng hiện có;

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả, chặt chẽ quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025, Quy hoạch lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, trọng tâm: **Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thám để quản lý, giám sát rừng thông minh trong công tác theo dõi, thiết lập dữ liệu, thống kê, kiểm kê, diễn biến tài nguyên rừng gắn với theo dõi, quản lý chặt chẽ hồ sơ diện tích đất nương rẫy đang xen trong quy hoạch 03 loại rừng, kiểm soát chặt chẽ, ngăn chặn, xử lý kịp thời, hiệu quả tình trạng lấn, chiếm, phá rừng đất rừng, các tình huống cháy rừng...**; tiếp tục rà soát cắm bổ sung mốc ranh giới theo quy hoạch 03 loại rừng đã được phê duyệt.

- Tăng cường công tác phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng: Hạt Kiểm lâm, Ban Chỉ huy BVR&PCCCR, chính quyền địa phương các xã, thị trấn, các đơn vị chủ rừng, các đơn vị liên quan (Công an, Biên phòng, Quân sự) trong tỉnh và các đơn vị chức năng của 03 tỉnh giáp ranh ( Lâm Đồng, Khánh Hòa, Bình Thuận) để phát huy hiệu quả tổng hợp trong quản lý, bảo vệ, PCCCR; trong đó: tập trung tăng cường các biện pháp quản lý, tuần tra, kiểm soát chặt chẽ, nghiêm ngặt diện tích rừng thuộc khu bảo tồn đa dạng sinh học, khu lưu trữ sinh quyển thế giới (Núi Chúa, Phước Bình), các khu vực trọng điểm, vùng giáp ranh với tỉnh Khánh Hòa, Lâm Đồng; công tác tuần tra, kiểm tra, phát hiện, đấu tranh xử lý nghiêm các đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, BVR, giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại về tài nguyên rừng.

- Chỉ đạo lực lượng Kiểm lâm phối hợp với các đơn vị chủ rừng, các lực lượng chức năng, chính quyền địa phương trên địa bàn tăng cường quản lý chặt chẽ tình trạng coi nói nương rẫy đan xen với đất rừng; các biện pháp kiểm soát chặt chẽ người và phương tiện ra vào rừng; tiếp tục thực hiện công tác giao khoán BVR cho các tổ cộng đồng dân cư và tạo sinh kế cho người dân sống ven rừng; nghiên cứu, khai thác các dịch vụ du lịch và sản phẩm du lịch; rà soát lại các dự án đầu tư tại các vùng có nguy cơ xâm phạm đến rừng để báo cáo, **kiến nghị với cấp có thẩm quyền chỉ đạo, giải quyết, xử lý để các dự án đầu tư vào lĩnh vực thực hiện nghiêm, đúng theo quy định.**

- Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động của Kiểm lâm địa bàn, đặc biệt là công tác tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã trong công tác quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ đối với lực lượng công chức Kiểm lâm.

## 2. Công tác phát triển rừng

- Tiếp tục đề xuất thực hiện khoán bảo vệ rừng cho cộng đồng dân cư và các tổ chức, cá nhân có liên quan, nhất là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ven rừng gắn với thực hiện các cơ chế, chính sách từ các Chương trình mục tiêu

quốc gia như chương trình giảm nghèo bền vững, chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, chương trình xây dựng nông thôn mới và các cơ chế, chính sách từ các chương trình, dự án có liên quan;

- Chủ động xây dựng, tham mưu trình phê duyệt, ban hành và triển khai các giải pháp để thực hiện hiệu quả các kế hoạch, chương trình, dự án bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2021-2025 và hàng năm để đẩy mạnh công tác trồng rừng, công tác chăm sóc rừng trồng, khoanh nuôi tái sinh rừng trên những diện tích có khả năng trồng rừng, chưa thành rừng; nhất là những khu vực phòng hộ rất xung yếu và xung yếu, trồng rừng trên diện tích đất trống xen kẽ núi đá nằm đan xen rừng tự nhiên, các vùng đất cát ven biển, chống sa mạc hoá... nhằm nâng cao tỷ lệ độ che phủ rừng, nâng cao khả năng phòng hộ, giá trị đa dạng sinh học... để ứng phó với tình hình biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý chất lượng giống cây lâm nghiệp trên địa bàn; đẩy mạnh công tác phối hợp các Trường, Viện, Trung tâm... nghiên cứu, khảo nghiệm, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công nghệ sản xuất giống, chọn tạo nguồn giống, cây giống lâm nghiệp mới có chất lượng, có giá trị kinh tế, các loài cây lâm nghiệp bản địa chịu hạn vượt trội, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của từng vùng sinh thái trong tỉnh, từng đối tượng rừng; có giải pháp về cơ cấu, mật độ, quy trình kỹ thuật, thời gian trồng rừng hợp lý, khoa học và phù hợp thực tiễn nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả rừng trồng;

- Tăng cường các giải pháp kỹ thuật lâm sinh, về nguồn lực phù hợp, hiệu quả cho khoanh nuôi xúc tiến tái sinh; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng rừng bổ sung (DT1, DT2); trong đó phát huy nội lực, giao 08 đơn vị chủ rừng rà soát, xác định diện tích để tự tổ chức thực hiện khoanh nuôi tái sinh rừng khoảng 4.500ha trong năm 2022 theo chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Thông báo số 1010/TB-SNNPTNT ngày 21/12/2021 (mỗi đơn vị chủ rừng phải thực hiện 500 ha đến 1.000 ha) để hết chu kỳ khoanh nuôi đạt tiêu chí thành rừng;

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ diện tích rừng trồng đang trong giai đoạn đầu tư đạt tiêu chí thành rừng sau hết chu kỳ đầu tư nhằm góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị của rừng trồng; nâng tỷ lệ độ che phủ rừng của tỉnh đến năm 2025 đạt 49% theo Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đã đề ra.

- Thu hút các dự án đầu tư từ các tổ chức, nhà tài trợ về phát triển lâm nghiệp như các dự án: “Phục hồi và quản lý bền+ vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - Dự án KfW9” (giai đoạn I) tỉnh Ninh Thuận; Dự án Trồng mới, phục hồi và kết hợp quản lý bảo vệ rừng chống xâm thực bờ biển giai đoạn II (Dự án SP-RCC); Dự án thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ cấp quốc gia Bảo vệ và phục hồi và quản lý rừng bền vững phòng hộ; đồng thời huy động các nguồn lực xã hội thông qua các chương trình, dự án, các đề tài nghiên cứu để tăng cường các giải pháp nhằm bảo tồn đa dạng sinh học, khu lưu giữ



sinh quyền thế giới Núi Chúa; đồng thời tăng cường nguồn lực đầu tư để lồng ghép vào các kế hoạch, chương trình, dự án bảo vệ và phát triển rừng nhằm nâng cao hiệu quả tổng hợp trong công tác bảo vệ, phát triển rừng, góp phần nâng tỷ lệ độ che phủ rừng theo mục tiêu của tỉnh đã đề ra.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá và nhân rộng các mô hình trồng rừng hiệu quả, mô hình nông lâm kết hợp, mô hình sinh kế bền vững... đảm bảo thực hiện hiệu quả chủ trương người dân sống trong khu vực có rừng phải được hưởng lợi từ rừng;

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả chính sách chi trả DVMTR nhằm thu hút, chia sẻ lợi ích cho người dân và huy động, gắn kết người dân, nhất là người đồng bào dân tộc thiểu số sống gần rừng với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí thu được từ DVMTR để tái đầu tư cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, từng bước giảm phụ thuộc vào ngân sách nhà nước;

- Tăng cường đẩy mạnh các diễn đàn đối thoại, đầu tư nhằm quảng bá thương hiệu, kết nối, thu hút các nguồn lực đầu tư cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, góp phần từng bước xã hội hóa các hoạt động về lâm nghiệp;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đôn đốc các đơn vị chủ rừng trong việc triển khai thực hiện kế hoạch phát triển lâm nghiệp hàng năm và triển khai Phương án quản lý rừng bền vững, Đề án, Dự án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Tập trung, rà soát, nghiên cứu kỹ các quy định còn bất cập, vướng mắc giữa Luật Lâm nghiệp, Luật Đất đai, các văn bản dưới Luật; các quy định liên quan trong lĩnh vực lâm nghiệp còn vướng mắc, chưa hướng dẫn cụ thể, khó thực hiện, chưa phù hợp thực tiễn...để tham mưu UBND tỉnh kiến nghị Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT và các Bộ, Ngành Trung ương kịp thời hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp để sớm tháo gỡ vướng mắc liên quan, nhằm tạo môi trường thuận lợi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư hiệu quả vào lĩnh vực này;

- Bám sát các quy định chính sách, pháp luật; rà soát cơ chế, các quy chế phối hợp để đánh giá, kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn; tăng cường công tác quản lý, thực hiện quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng gắn với quy hoạch sử dụng đất để thực hiện hiệu quả, đúng quy định, phù hợp tình hình phát triển KT-XH của địa phương; rà soát lại căn cứ pháp lý diện tích rừng và đất rừng đã cấp cho các đơn vị chủ rừng quản lý theo GCNQSD và ngoài thực địa để tăng cường chỉ đạo các đơn vị chủ rừng thực hiện quản lý tốt, chặt chẽ diện tích rừng và đất rừng được cấp trên giao.

## **VI. Đề xuất, kiến nghị**

### **1. Đối với Trung ương**

#### **1.1. Chính phủ:**

- Hiện nay, nguồn vốn đầu tư công kế hoạch phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025, trong năm 2021, năm 2022 chưa được Chính phủ bố trí cho tỉnh, đã ảnh hưởng rất nhiều đến công tác lập kế hoạch và triển khai thực hiện. Kiến nghị Chính phủ sớm phân bổ nguồn vốn phát triển lâm nghiệp thuộc kế hoạch năm 2021, năm 2022 để địa phương chủ động nguồn vốn trong việc tổ chức thực hiện.

- Kiến nghị Chính phủ sớm sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của ngày 16/11/2018 và Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ. Vì có nhiều quy định còn bất cập, chưa thống nhất, đồng bộ với Luật Đất đai, một số lĩnh vực chưa quy định, hướng dẫn cụ thể nên còn vướng mắc và khó thực hiện tại địa phương trong lĩnh vực lâm nghiệp, như quy định về trình tự thực hiện Du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng giải trí trong các khu rừng đặc dụng và phòng hộ.

- Hiện nay chính sách hỗ trợ kinh phí bảo vệ diện tích rừng tự nhiên của công ty lâm nghiệp phải tạm dừng khai thác thực hiện theo quy định chuyên tiếp tại Điều 91 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, nhưng đến nay Chính phủ chưa ban hành quy định về chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản trong lâm nghiệp. Kiến nghị Chính phủ xem xét sớm ban hành Nghị định về chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản trong lâm nghiệp; trong đó nâng mức hỗ trợ bảo vệ rừng tự nhiên là rừng sản xuất tạm dừng khai thác bằng với mức hỗ trợ bảo vệ rừng phòng hộ.

## **1.2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

- Xem xét, hướng dẫn việc thực hiện giao khoán bảo vệ rừng cho các lực lượng vũ trang tại các khu vực rừng vùng giáp ranh, điểm nóng xa dân cư mà cộng đồng dân cư quản lý, bảo vệ ít hiệu quả để địa phương có cơ sở tổ chức thực hiện việc giao khoán bảo vệ rừng đúng quy định, phù hợp tình hình thực tế, đạt hiệu quả hơn.

- Sớm ban hành định mức đối với một số nội dung công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực lâm nghiệp liên quan đến điều tra quy hoạch rừng, kiểm kê rừng... để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và thay thế quy định tại Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/02/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Xem xét về chủ trương và hỗ trợ bố trí kinh phí cho tỉnh để tổ chức thực hiện Dự án nâng cao năng lực trong lực lượng Kiểm lâm cho địa phương để tăng cường đầu tư các trang thiết bị hiện đại, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ đáp ứng nhiệm vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng, PCCCR trong tình hình mới.

## **2. Đối với địa phương**

### **2.1. Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh:**

- Nhiệm vụ QLBRV có tính đặc thù, nhằm thu hút, ổn định lực lượng quản lý bảo vệ rừng chuyên trách của các đơn vị chủ rừng gắn bó với nghề lâu dài. Kính đề nghị HĐND, UBND tỉnh xem xét hàng năm hỗ trợ thêm kinh phí đặc thù từ vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh (hỗ trợ lồng ghép vào phương án PCCCR và CPR phê duyệt hàng năm) để hỗ trợ cho lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách của các đơn vị chủ rừng (như các chế độ: Trục ngoài giờ hành chính, nhiên liệu đi tuần tra, điện thoại...) để tăng cường nguồn lực hợp lý thu hút, khuyến khích, động viên viên chức, người lao động thực hiện tốt, hiệu quả hơn công tác QLBRV.

- Về biên chế sự nghiệp (viên chức) đối với các chủ rừng. Kính đề nghị HĐND và các Ban HĐND tỉnh, UBND tỉnh xem xét giao bổ sung thêm 08 biên chế sự nghiệp cho 04 đơn vị chủ rừng đối với diện tích rừng và đất rừng (18.041,58 ha) trước đây do UBND các xã quản lý nay chuyển giao cho các chủ rừng quản lý theo Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 về việc phê duyệt quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận,

## **2.2. Ủy ban nhân dân tỉnh:**

- Để đảm bảo nâng tỷ lệ độ che phủ rừng của tỉnh đạt 49% đến năm 2025 theo Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh giao. Tuy nhiên, nguồn vốn đầu tư công kế hoạch phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025 chưa được Chính phủ bố trí cho tỉnh để triển khai thực hiện công tác trồng rừng. Kính đề nghị UBND tỉnh xem xét cho chủ trương để Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng Dự án đầu tư công phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2023-2025 để bố trí nguồn kinh phí tổ chức thực hiện trồng rừng ((khoảng trên 1000 ha), góp phần phấn đấu đến năm 2025 đạt mục tiêu tỷ lệ độ che phủ rừng của tỉnh đã đề ra.

- Sớm phê duyệt đề cương, dự toán và phân bổ kinh phí thực hiện Đề án lập hồ sơ quản lý nương rẫy trong quy hoạch 3 loại rừng để làm cơ sở các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện, nhằm quản lý tốt diện tích rừng tự nhiên trên địa bàn.

- Hiện nay, hai công ty TNHH MTV Lâm nghiệp: Ninh Sơn, Tân Tiến không được hỗ trợ, cấp kinh phí PCCCR&TQCPR mà phải sử dụng trong kinh phí Hợp đồng đặt hàng bảo vệ rừng hàng năm. Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, hỗ trợ thêm kinh phí PCCCR&TQCPR ngoài kinh phí Hợp đồng đặt hàng bảo vệ rừng hàng năm (theo quy định tại khoản 3, Điều 20 Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ).

- Vấn đề cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) cho các đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh: Kính đề nghị UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và các đơn vị chủ rừng rà soát, xem xét cấp sổ cho các đơn vị chủ rừng theo đúng Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh.



- Chỉ đạo UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các ngành chức năng của huyện và UBND cấp xã tăng cường công tác phối hợp với lực lượng Kiểm lâm và đơn vị chủ rừng tổ chức lực lượng tăng cường chốt chặn, tuần tra, ngăn chặn và xử lý các hành vi phá rừng, khai thác, mua bán, vận chuyển, tàng trữ lâm sản trái pháp luật. Triển khai thực hiện nghiêm túc phương án và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng ở cơ sở theo phương châm 4 tại chỗ, sẵn sàng ứng phó khi có cháy rừng xảy ra. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức, trách nhiệm của cộng đồng trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Cho tiếp tục duy trì các Chốt QLBRV tại các khu vực rừng giáp ranh với tỉnh Khánh Hòa, Lâm Đồng, vùng trọng điểm sử dụng từ nguồn kinh phí chi trả DVMTR của các đơn vị chủ rừng nhằm tăng cường kiểm soát, ngăn chặn, xử lý kịp thời, hiệu quả công tác QLBRV tại các khu vực này.

- Chỉ đạo, giao Ban quản lý Vườn quốc gia rà soát các dự án đầu tư đã và đang triển khai có tác động đến diện tích rừng và đất rừng, diện tích mặt biển để có cơ sở đánh giá tổng quan và từng dự án, qua đó có chiến lược, kế hoạch, đề xuất cụ thể các giải pháp thực hiện hiệu quả, phù hợp, đúng quy định pháp luật về lâm nghiệp; Tăng cường các biện pháp quản lý bảo vệ và phát triển rừng, nhất là quản lý nghiêm ngặt Khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa được UNESCO công nhận.

- Đề nghị tiếp tục thực hiện **giao khoán bảo vệ rừng cho các lực lượng vũ trang tại các khu vực rừng vùng giáp ranh, điểm nóng xa dân cư mà cộng đồng dân cư quản lý, bảo vệ ít hiệu quả để địa phương có cơ sở tổ chức thực hiện việc giao khoán bảo vệ rừng đúng quy định, phù hợp tình hình thực tế, đạt hiệu quả hơn.**

Trên đây là báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng; bảo vệ, phát triển rừng (*rừng tự nhiên, rừng trồng*); tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016-2021./.

**Nơi nhận:**

- Đoàn Giám sát HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các Sở: TN&MT, KH&ĐT, TC;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- UBND các huyện, Thành phố;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Các đơn vị chủ rừng;
- Hạt Kiểm lâm các huyện;
- Lưu: VT, KH.

**GIÁM ĐỐC**

**Đặng Kim Cương**